



PHONG VŨ BIỂU THAM NHỮNG TOÀN CẦU 2010

PHÂN TÍCH QUAN ĐIỂM VÀ TRẢI NGHIỆM VỀ
THAM NHŨNG CỦA CƯ DÂN ĐÔ THỊ VIỆT NAM



Trung tâm Nghiên cứu Phát triển, Thể chế và Toàn cầu hóa (DIAL) là một trung tâm nghiên cứu hàng đầu về kinh tế phát triển ở Pháp, tập hợp các nhà nghiên cứu đến từ Đại học Paris-Dauphine và Viện Nghiên cứu Phát triển của Pháp. DIAL đưa ra những sản phẩm mang tính khoa học được thế giới công nhận, các chương trình đào tạo nâng cao ở một số nước, và hỗ trợ thực hiện nghiên cứu tại các nước đang phát triển thông qua mạng lưới đối tác và chi nhánh nước ngoài tại Senegal và Việt Nam. Hoạt động của DIAL bao gồm xây dựng các công cụ mang tính phương pháp luận, thúc đẩy nghiên cứu và cung cấp các dữ liệu gốc thu được từ các cuộc khảo sát chất lượng cao, phục vụ cho việc lập chính sách, tăng cường năng lực và thảo luận dân chủ ở các nước đang phát triển.

www.dial.prd.fr

Tổ chức Minh bạch Quốc tế (TI) là một tổ chức xã hội dân sự toàn cầu đi đầu trong phong trào phòng, chống tham nhũng. Với hơn 90 Văn phòng Quốc gia trên thế giới và một Ban thư ký Quốc tế có trụ sở tại Béc-lin, Đức, TI nâng cao nhận thức về tác hại của tham nhũng và liên kết với các đối tác như chính phủ, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội dân sự để xây dựng và thực hiện các biện pháp hiệu quả chống tham nhũng.

www.transparency.org

Hướng tới Minh bạch (TT) là một tổ chức tư vấn độc lập và phi lợi nhuận của Việt Nam, được thành lập năm 2008 với mục tiêu đóng góp vào các nỗ lực quốc gia trong việc thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm giải trình để phòng, chống tham nhũng. Tháng 3 năm 2009, TT trở thành cơ quan đầu mối quốc gia của TI tại Việt Nam. Với vai trò này, TT hỗ trợ và điều phối các hoạt động của TI ở Việt Nam, trong khuôn khổ chương trình TI Việt Nam về “Tăng cường nhu cầu phòng, chống tham nhũng cho khu vực nhà nước, tư nhân và xã hội, giai đoạn 2009-2012”.

www.towardstransparency.vn

Báo cáo này được hoàn thành trong khuôn khổ Chương trình TI Việt Nam, do Bộ Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh (DFID), Đại sứ quán Phần Lan, Cơ quan Viện trợ Phát triển Ailen (IrishAid) và Đại sứ quán Thụy Điển tài trợ.

Các tác giả: Mireille RAZAFINDRAKOTO (DIAL-IRD), François ROUBAUD (DIAL-IRD) và Matthieu SALOMON (TT)

Biên tập: Stephanie CHOW (TT), Nguyễn Thị Thu Hiền (TT) và Đào Thị Nga (TT)

Thiết kế: Stephanie CHOW (TT)

Báo cáo này cũng nhận được sự hỗ trợ của bà Nguyễn Thị Kiều Viễn, giám đốc điều hành TT, và bộ phận nghiên cứu của Ban thư ký của TI (TI-S) ở Berlin. TT và TI-S chịu trách nhiệm duy nhất về nội dung của báo cáo này.

Độ chính xác của những thông tin trong báo cáo này đã được thẩm định với nỗ lực tối đa. Tính đến tháng 9 năm 2011, mọi thông tin đều được tin là chính xác. Tuy nhiên, các tác giả không chịu trách nhiệm về hậu quả gây ra do việc sử dụng báo cáo này cho những mục đích khác hay trong những hoàn cảnh khác.

© Ảnh bìa (từ trái sang phải): flickr/Espen Faugstad, flick/Raul Tajero, flickr/Espen Faugstad, flickr/k_t, flickr/Espen Faugstad, flickr/Tormod Sandtorv, flickr/opalpeterliu, flickr/Espen Faugstad, flickr/Espen Faugstad

ISBN: 978-3-935711-87-6

©2011 Bản quyền thuộc Tổ chức Minh bạch Quốc tế.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
THAM NHỮNG VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG (PCTN) Ở VIỆT NAM PHONG VŨ BIỂU THAM NHỮNG Ở VIỆT NAM: PHẠM VI VÀ GIỚI HẠN	2 3
KẾT QUẢ KHẢO SÁT	4
1. CẢM NHẬN VỀ THAM NHỮNG Ở ĐÔ THỊ VIỆT NAM	5
1.1 TIẾN TRIỂN TRONG NHẬN THỨC	5
1.2 SO SÁNH VỚI CẢM NHẬN Ở CÁC NƯỚC LÂN CẬN ĐÃ ĐƯỢC KHẢO SÁT	8
1.3 NHỮNG NGÀNH BỊ COI LÀ CHỊU ẢNH HƯỞNG NHẤT BỞI THAM NHỮNG	9
1.4 NHỮNG XU THẾ ĐƯỢC XÁC ĐỊNH TỪ NĂM 2007	11
1.5 CẢM NHẬN VỀ THAM NHỮNG THEO NGÀNH GIỮA CÁC THÀNH PHẦN DÂN CƯ	12
1.6 SO SÁNH CẢM NHẬN VỀ THAM NHỮNG THEO NGÀNH VỚI CÁC NƯỚC LÂN CẬN	13
2. TRẢI NGHIỆM VỀ THAM NHỮNG Ở ĐÔ THỊ VIỆT NAM	15
2.1 TRẢI NGHIỆM VỀ THAM NHỮNG THEO NGÀNH	15
2.2 SỰ THAY ĐỔI TRONG TRẢI NGHIỆM VỀ THAM NHỮNG TRONG Y TẾ THEO THỜI GIAN	18
2.3 SO SÁNH TRẢI NGHIỆM VỀ THAM NHỮNG VỚI CÁC NƯỚC LÂN CẬN	19
2.4 NHỮNG LÝ DO ĐƯA HỒI LỘ	21
3. NHỮNG NỖ LỰC PCTN VÀ NHỮNG NHÂN TỐ THAM GIA PCTN	22
3.1 ĐÁNH GIÁ NHỮNG NỖ LỰC PCTN CỦA CHÍNH PHỦ	24
3.2 SO SÁNH NHỮNG ĐÁNH GIÁ VỀ NỖ LỰC PCTN CỦA CHÍNH PHỦ VỚI CÁC NƯỚC LÂN CẬN	24
3.3 MỨC ĐỘ TIN TƯỞNG VÀO CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC PCTN	25
3.4 SO SÁNH MỨC ĐỘ TIN TƯỞNG VÀO NỖ LỰC PCTN CỦA CHÍNH PHỦ VỚI CÁC NƯỚC LÂN CẬN	27
3.5 VAI TRÒ CỦA NGƯỜI DÂN TRONG PCTN	28
3.6 SO SÁNH MỨC ĐỘ SẴN SÀNG THAM GIA PCTN VỚI CÁC NƯỚC LÂN CẬN	28
BỨC TRANH TỔNG THỂ VỀ THAM NHỮNG Ở VIỆT NAM	29
KẾT LUẬN: THỜI ĐIỂM QUYẾT ĐỊNH CHO CÔNG TÁC PCTN?	31
CHÚ THÍCH	32
PHỤ LỤC 1: PHƯƠNG PHÁP LUẬN VỀ NHỮNG MÔ HÌNH KINH TẾ LƯỢNG ĐƯỢC ÁP DỤNG	34
PHỤ LỤC 2: BẢNG HỎI ĐƯỢC SỬ DỤNG CHO PHONG VŨ BIỂU THAM NHỮNG TOÀN CẦU (GCB) VÀ PHÂN BỐ NGOẠI SUY	38
PHỤ LỤC 3: THÔNG TIN KHẢO SÁT CHÍNH CHO CÁC NƯỚC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG	41
PHỤ LỤC 4: THÔNG TIN NHÂN KHẨU HỌC CỦA NGƯỜI THAM GIA PHÒNG VẤN	42
TÀI LIỆU THAM KHẢO	43

BIỂU ĐỒ

BIỂU ĐỒ 1: Sự thay đổi trong cảm nhận về tham nhũng ở khu vực đô thị Việt Nam giai đoạn 2007-2010	5	BIỂU ĐỒ 8: Tiếp xúc và trải nghiệm về tham nhũng theo ngành	16
BIỂU ĐỒ 2: Những thay đổi trong cảm nhận về tham nhũng theo giới	6	BIỂU ĐỒ 9: Thay đổi trong trải nghiệm về tham nhũng trong ngành y tế trong giai đoạn 2007- 2010	18
BIỂU ĐỒ 3: Sự phát triển của cảm nhận về tham nhũng trong 3 năm qua ở một số nước	8	BIỂU ĐỒ 10: Tỷ lệ trải nghiệm tham nhũng của những người sử dụng dịch vụ ở một số nước	19
BIỂU ĐỒ 4: Cảm nhận về tham nhũng theo ngành	10	BIỂU ĐỒ 11: So sánh cảm nhận và trải nghiệm về tham nhũng của người dân với cảm nhận về tham nhũng của các chuyên gia	20
BIỂU ĐỒ 5: So sánh cảm nhận về tham nhũng trong bốn ngành trong giai đoạn 2007-2010	11	BIỂU ĐỒ 12: Đánh giá hiệu quả của các chính sách PCTN theo giới và trình độ học vấn	22
BIỂU ĐỒ 6: So sánh cảm nhận về tham nhũng theo ngành với các nước lân cận	13	BIỂU ĐỒ 13: Đánh giá những nỗ lực PCTN hiện nay của Chính phủ một số nước	24
BIỂU ĐỒ 7: Điểm trung bình về mức độ tham nhũng được cảm nhận trong 11 ngành được khảo sát ở các nước trong khu vực	14	BIỂU ĐỒ 14: Nhân tố chống tham nhũng được tin tưởng nhất, theo giới và trình độ học vấn	25

BẢNG BIỂU

BẢNG 1: Lý do đưa hồi lộ ở Việt Nam và nước ngoài	21
BẢNG 2: Người dân tin tưởng ai nhất trong PCTN ?	27
BẢNG 3: Quan điểm của người dân ở Việt Nam và nước ngoài về việc tham gia PCTN	28
BẢNG 4: Cảm nhận và trải nghiệm về tham nhũng và các cam kết với một số mô hình PCTN	35
BẢNG 5: Trải nghiệm về hình thức tham nhũng với các mẫu được chọn	36

LỜI NÓI ĐẦU

Phong vũ biểu Tham những Toàn cầu (Phong vũ biểu) của Tổ chức Minh bạch Quốc tế (TI) là cuộc khảo sát xuyên quốc gia lớn nhất nhằm tập hợp quan điểm và trải nghiệm của người dân về tham nhũng. Năm 2010, Phong vũ biểu đã phỏng vấn hơn 91.500 người ở 86 quốc gia nhằm so sánh mức độ ảnh hưởng của tham nhũng đối với người dân ở các nước.

Mặc dù dữ liệu từ các cuộc khảo sát cho Phong vũ biểu đã được sử dụng để phục vụ mục đích so sánh và phân tích mang tính quốc tế, các nhà nghiên cứu cho rằng những dữ liệu này vẫn có thể được khai thác một cách triệt để hơn. Phong vũ biểu tham nhũng Việt Nam 2010 là bản phân tích đầu tiên về Việt Nam, cho thấy các dữ liệu của Phong vũ biểu có thể được khai thác như thế nào để tiến hành những phân tích sâu hơn ở cấp độ quốc gia.

Với báo cáo phân tích này, Phong vũ biểu phác họa một cách toàn diện tình hình tham nhũng ở khu vực đô thị Việt Nam. Báo cáo không chỉ so sánh mức độ cảm nhận và trải nghiệm tham nhũng ở Việt Nam với các nước trong khu vực mà còn đi sâu phân tích sự khác biệt về cảm nhận và trải nghiệm tham nhũng trong các bộ phận dân cư Việt Nam theo giới, độ tuổi, trình độ học vấn, và sự phân bố theo vùng miền, từ đó tìm hiểu sâu hơn đâu là những vấn đề và thách thức chính ở Việt Nam.

Các kết quả khảo sát cho thấy công cuộc phòng, chống tham nhũng (PCTN) ở khu vực đô thị Việt Nam đang đứng ở ngã ba đường. Trong khi cảm nhận chung về nỗ lực PCTN và các cơ quan PCTN có vẻ khá tích cực, thì những trải nghiệm và cảm nhận thực tế của người dân về tham nhũng lại không khả quan như vậy. Các kết quả cũng đặt ra yêu cầu về một sự quan tâm cấp thiết cho vấn đề PCTN. Mặc dù tham nhũng được Chính phủ Việt Nam coi là một thách thức lớn và người dân có sự tin tưởng mạnh mẽ đối với những nỗ lực PCTN của Chính phủ, nhưng những cảm nhận và trải nghiệm tiêu cực của họ về tham nhũng cũng cho thấy cần nỗ lực nhiều hơn nữa.

Chúng tôi hy vọng các kết quả khảo sát trong báo cáo này sẽ góp phần đáng kể vào việc cung cấp thêm thông tin, kiến thức về thực trạng tham nhũng ở Việt Nam hiện nay cũng như đóng góp vào việc đánh giá tham nhũng và những nỗ lực PCTN.

Nguyễn Thị Kiều Viễn
Giám đốc điều hành
Tổ chức Hướng tới Minh bạch
Cơ quan đầu mối Quốc gia của TI tại Việt Nam

THAM NHŨNG VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM

Từ “tham nhũng” được chính thức đưa vào văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ 6 khi chính sách đổi mới kinh tế được thông qua năm 1986. Kể từ đó, tham nhũng luôn được các nhà lãnh đạo Việt Nam coi như một vấn đề nghiêm trọng. Ví dụ, trong báo cáo chính trị của Đại hội Đảng lần thứ 7 năm 1991, tham nhũng được coi như một “nguy cơ” đối với đất nước. Kể từ đó, các cơ quan phòng, chống tham nhũng (PCTN) và khung pháp lý về PCTN của Việt Nam đã ngày càng được củng cố. Sau Pháp lệnh PCTN đầu tiên năm 1998, Luật PCTN cũng được thông qua năm 2005 (sửa đổi năm 2007). Đây là một cơ sở pháp lý quan trọng, đánh dấu những nỗ lực PCTN của Chính phủ Việt Nam, cùng với Nghị quyết số 04 của Hội nghị BCH Trung ương lần thứ 3, khóa 10 (2006) của Đảng Cộng sản Việt Nam. Khá nhiều văn bản dưới luật cũng đã được ban hành. “Chiến lược quốc gia phòng chống tham nhũng đến năm 2020” được thông qua vào tháng 5 năm 2009, và những kế hoạch hành động cấp bộ cũng đã được xây dựng. Ở bình diện quốc tế, Việt Nam đã chính thức phê chuẩn Công ước quốc tế về chống tham nhũng (UNCAC) vào tháng 6 năm 2009 (sau khi ký kết năm 2003).

Nhiều nỗ lực tiếp tục được thực hiện nhằm điều phối tốt hơn công tác PCTN và tăng cường năng lực của các cơ quan PCTN. Các cơ quan giám sát hoạt động PCTN hiện nay gồm có Ban Chỉ đạo trung ương về PCTN và Văn phòng Ban Chỉ đạo (được thành lập theo Luật PCTN 2005-2007) và các đơn vị chuyên trách trong Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an và Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao. Mặc

dù vậy, theo đánh giá của các nhà lãnh đạo Việt Nam, các kết quả cụ thể của những nỗ lực PCTN vẫn còn rất khiêm tốn. Đại hội XI Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức tháng 1 năm 2011 nhận định tham nhũng vẫn còn phổ biến.

Ở góc độ nghiên cứu, cam kết mạnh mẽ và quyết tâm PCTN của các nhà lãnh đạo Việt Nam đã khiến cho vấn đề tham nhũng và PCTN được hiểu rõ hơn và cụ thể hoá bằng văn bản nhiều hơn. Năm 2005, Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiến hành một cuộc khảo sát rộng rãi chính thức đầu tiên về thực trạng tham nhũng ở Việt Nam¹. Năm 2006, Tổ chức Minh bạch Quốc tế đã xuất bản báo cáo đầu tiên về “Hệ thống liên chính quốc gia” Việt Nam², và 5 năm sau, TI/TT phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Hỗ trợ Cộng đồng (CECODES), DIAL và Trung tâm Sóng và Học tập vì Môi trường và Cộng đồng (Live&Learn), tiến hành Khảo sát về liên chính trong thanh niên³, với 1.500 người dân trên địa bàn toàn quốc tham gia trả lời về cảm nhận và trải nghiệm của họ về tham nhũng. Trong vòng 5 năm qua, nhiều cuộc nghiên cứu đã được các nhà tài trợ Đan Mạch, Thụy Điển, UNDP, Ngân hàng Thế giới, cũng như các bộ, trung tâm nghiên cứu và tổ chức phi chính phủ của Việt Nam thực hiện⁴.

Số lượng các nghiên cứu và khảo sát về tham nhũng cho thấy tham nhũng ngày càng được đặt lên hàng đầu trong chương trình hoạch định chính sách của Việt Nam.

PHONG VŨ BIỂU THAM NHỮNG Ở VIỆT NAM: PHẠM VI VÀ GIỚI HẠN

Năm 2010, khảo sát Phong vũ biểu Tham những Toàn cầu lần đầu tiên được tiến hành đầy đủ ở Việt Nam⁵. Nghiên cứu thực địa do công ty tư vấn Indochina Research tiến hành từ tháng 6 đến tháng 7 năm 2010, với sự giám sát về phương pháp luận của Gallup International. Phong vấn trực tiếp đã được thực hiện với 1.000 người dân sống ở 5 thành phố lớn nhất Việt Nam: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ (thuộc ba miền địa lý chính của đất nước: Bắc, Trung và Nam), mẫu phỏng vấn được chọn ngẫu nhiên. Các vùng nông thôn không được khảo sát vì lý do thực tế và kinh phí.



Phong vũ biểu tham những Việt Nam 2010 đại diện cho quan điểm của khoảng 17,5 triệu công dân Việt Nam (trong tổng số hơn 80 triệu người) sống ở các khu vực đô thị Việt Nam, độ tuổi từ 18 đến 64. Cũng như với các nước khác, bảng hỏi ngắn gọn (gồm 5 câu hỏi theo từng vấn đề cụ thể, không đề cập đến đặc điểm kinh tế xã hội của người trả lời), nhưng nếu tính đến các phương án trả lời tùy chọn thì có tổng cộng 37 câu hỏi riêng rẽ (xem Phụ lục 1). Ba chủ đề chính được đề cập là: cảm nhận về tham nhũng, trải nghiệm về tham nhũng và sự ủng hộ đối với các chính sách PCTN.

Xét ở khía cạnh phương pháp luận, có thể nói rằng mẫu khảo sát đủ mạnh để có được kết quả khảo sát tổng thể đáng tin cậy về cư dân đô thị Việt Nam. Nếu so sánh theo phân loại nhân khẩu - xã hội học thì cần thận trọng hơn vì mẫu khảo sát nhỏ hơn: chỉ các khác biệt lớn hơn mới có ý nghĩa. Các tiêu chí phân loại được sử dụng để phân tích Phong vũ biểu Tham những Việt Nam 2010 gồm giới tính, độ tuổi, trình độ văn hóa, tình trạng công việc, tôn giáo và địa lý (thành phố/vùng).

Nghiên cứu này trước hết nhằm nâng cao hiểu biết về tham nhũng và các chính sách PCTN ở Việt Nam. Ngoài việc so sánh câu trả lời giữa các thành phần dân cư để tìm hiểu rõ hơn những vấn đề và thách thức chính, nghiên cứu còn tận dụng lợi thế đa quốc gia của Phong vũ biểu để đặt tình hình cụ thể của Việt Nam trong bối cảnh quốc tế. Do vậy, những kết quả khảo sát ở Việt Nam được so sánh với kết quả khảo sát của một số nước lân cận trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Phần 1 phân tích những cảm nhận về tham nhũng, sự thay đổi của cảm nhận này theo thời gian và theo ngành. Phần 2 tập trung vào những trải nghiệm về tham nhũng. Phần 3 dành để đánh giá những nỗ lực PCTN của Chính phủ Việt Nam và nhận diện những nhân tố tiềm năng có thể hỗ trợ những nỗ lực này.



KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phong vũ biểu tham những Việt Nam 2010 đưa ra những thông điệp rõ ràng sau:

- Đa số dân cư đô thị Việt Nam nhận thấy tham nhũng tăng lên trong 3 năm qua
- Mặc dù mức độ trải nghiệm tham nhũng của người dân Việt Nam khá cao trong nhiều ngành nhưng cảm nhận chung của họ về tham nhũng vẫn tích cực hơn so với các nước láng giềng trong khu vực
- Có một sự đánh giá rất cân bằng về những nỗ lực PCTN của Chính phủ: Số người được hỏi cho rằng những nỗ lực này có hiệu quả tương đương với số người được hỏi có quan điểm ngược lại.
- Sự tin tưởng của người dân vào các thiết chế chính trị truyền thống trong PCTN vẫn còn khá vững chắc, đặc biệt là đối với Quốc hội, Đảng Cộng sản, và

- Chính phủ - thiết chế được tin tưởng nhất trong việc lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng.
- Cũng có sự tin tưởng mạnh mẽ vào các cơ quan báo chí trong việc đóng góp hiệu quả vào những nỗ lực PCTN.
- Xã hội và công dân Việt Nam luôn sẵn sàng tham gia và đóng góp hơn nữa vào các nỗ lực PCTN.
- Phụ nữ và những người có học vấn thường có quan điểm phê phán hơn so với nam giới trước thực trạng tham nhũng nói chung và dường như nói không với tham nhũng nhiều hơn
- Những người được hỏi ở Hà Nội trải nghiệm tham nhũng nhiều hơn so với cư dân ở các thành phố khác.

1. CẢM NHẬN VỀ THAM NHỮNG Ở ĐÔ THỊ VIỆT NAM

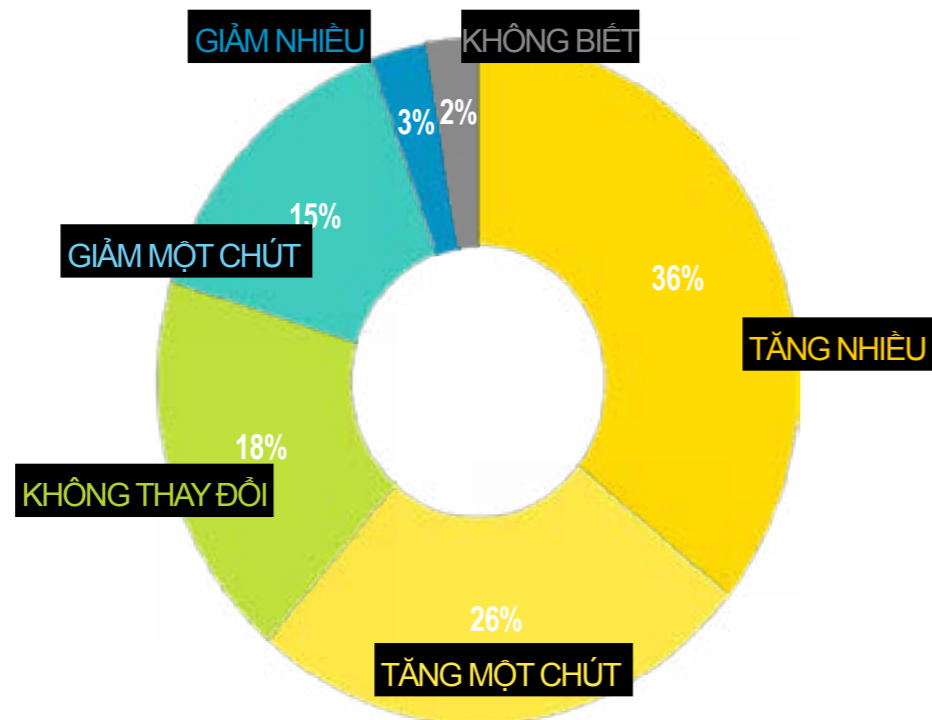
1.1 TIẾN TRIỂN TRONG NHẬN THỨC

Các cư dân đô thị Việt Nam nhận thấy tham nhũng đang tăng lên rõ rệt (Biểu đồ 1). 36% người được hỏi cảm nhận tham nhũng tăng lên nhiều ở Việt Nam trong 3 năm qua và 26% người được hỏi cho rằng tham nhũng có tăng chút ít. Tổng cộng có 62% người Việt Nam được phỏng vấn nhận thấy tham nhũng tăng lên, trong khi chỉ 18% cho rằng tham nhũng giảm xuống (3% trong số đó cảm thấy tham

những đang giảm đi nhiều). Điều này có nghĩa là “cán cân ý kiến” (sự khác biệt giữa số người được hỏi nhận thấy tham nhũng có chiều hướng giảm và số người nhận thấy tham nhũng có chiều hướng tăng) mất cân bằng khá lớn, -44% và nó cho thấy thực trạng “tham nhũng gia tăng” ở Việt Nam trong 3 năm qua (xem Biểu đồ 2).

BIỂU ĐỒ 1

Sự thay đổi trong cảm nhận về tham nhũng ở khu vực đô thị Việt Nam giai đoạn 2007-2010

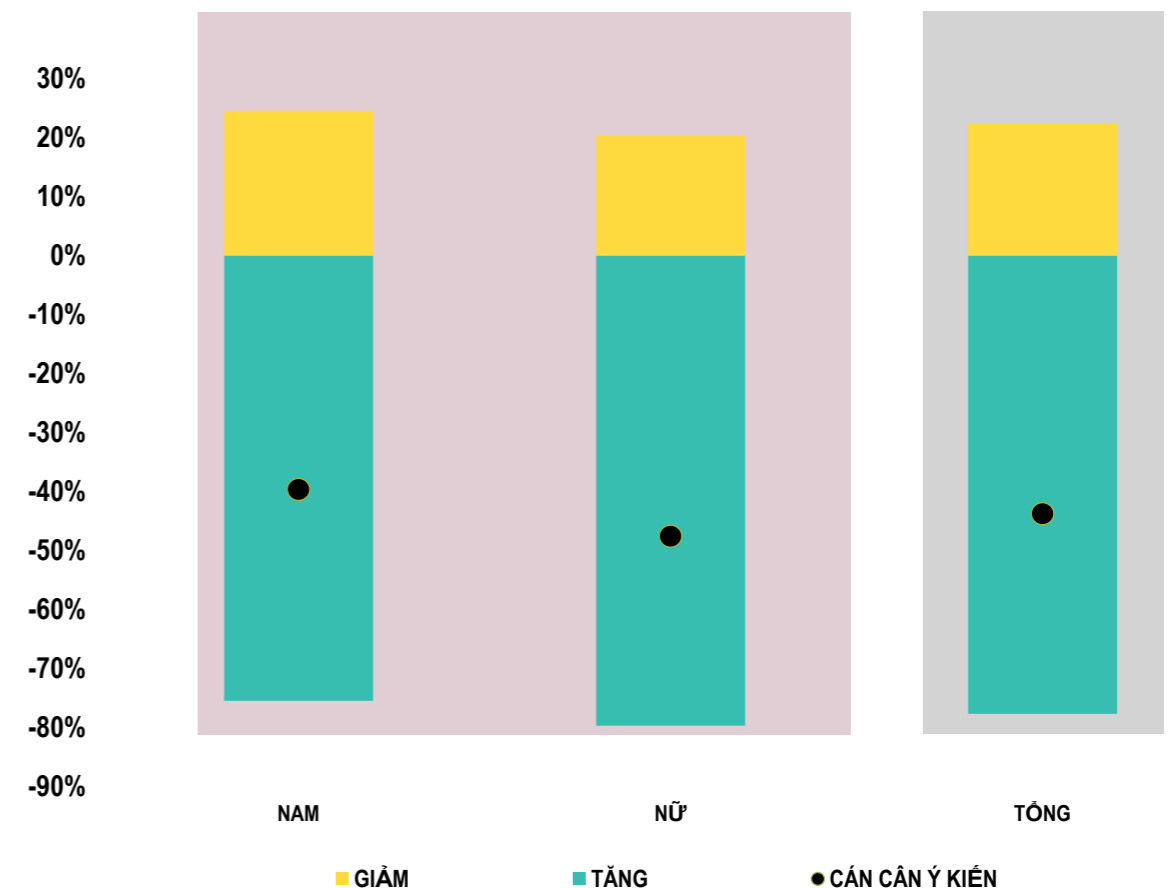


Khi phân tích những kết quả khảo sát ở Việt Nam một cách chi tiết hơn, ta có thể nhận thấy rõ một loạt khác biệt giữa các thành phần dân cư⁷.

Trước hết, có vẻ như phụ nữ ở các đô thị bị quan hơn nam giới về vấn đề tham nhũng (cán cân ý kiến là 47% đối với phụ nữ và 39% đối với nam giới nhận thấy tham nhũng có chiều hướng tăng, xem biểu đồ 2)⁸. Chiều hướng này có liên quan tới một thực tế là địa vị xã hội của phụ nữ thường là “ít vững trãi” hơn và một thực tế nữa là phụ nữ nhìn chung tiếp xúc nhiều hơn với ngành giáo dục và y tế, những ngành mà hiện tượng tham nhũng là khá phổ biến (xem Phần 2).

BIỂU ĐỒ 2:

Những thay đổi trong cảm nhận về tham nhũng theo giới



Nhóm công dân Việt Nam có quan điểm phê phán nhất về tham nhũng là những người trong độ tuổi từ 31 đến 40, với cán cân ý kiến là -52% nhận thấy tham nhũng có chiều hướng tăng trong vòng 3 năm qua. Những người trong độ tuổi này thường xuyên phải tiếp xúc với “những ngành dễ bị tác động bởi tham nhũng”, từ giáo dục, y tế cho tới lĩnh vực kinh doanh. Thêm vào đó, những người trẻ hơn trong nhóm tuổi này ở Việt Nam cũng thường là những người lần đầu tiên rời tổ ấm gia đình và phải tiếp xúc độc lập với những ngành nói trên.

Những cư dân đô thị có học vấn cao thường có thái độ tiêu cực hơn nhiều về sự phát triển của tình hình tham nhũng so với nhóm người có học vấn thấp hơn, với cán cân ý kiến là -49% đối với nhóm có học vấn cao và -37% đối với nhóm có học vấn thấp. Dù trên thực tế những người có học vấn thấp bị ảnh hưởng nhiều hơn bởi tham nhũng, những người có học vấn cao hơn lại thường có nhận thức và hiểu biết tốt hơn về những vấn đề liên quan đến tham nhũng, điều này có nghĩa là họ có thể dễ dàng nhận ra hành vi tham nhũng hơn. Họ cũng tham gia nhiều hơn vào những mối quan hệ kinh tế-xã hội phức hợp, nơi mà họ cho rằng tham nhũng gây ảnh hưởng rộng, từ những trải nghiệm trong công việc với các ngành giáo dục, y tế tới những hợp đồng kinh doanh.

Cảm nhận về tham nhũng của cư dân ở những thành phố và vùng miền khác nhau cũng có sự khác biệt rõ rệt: Người dân Hà Nội có thái độ tiêu cực hơn nhiều về thực trạng tham nhũng so với người dân ở thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng và Cần Thơ (với cán cân ý kiến tương ứng là -58% so với -37%, -45%, -51% và -12%). Kết quả khảo sát này phù hợp với kết quả của các nghiên cứu khác⁹ cũng như những kết quả khảo sát khác trong bản báo cáo này cho thấy những vấn đề nghiêm trọng hơn trong quản lý điều hành ở Hà Nội và các thành phố khác ở miền Bắc.

Những người về hưu và thất nghiệp có thái độ phê phán tham nhũng nhiều hơn so với những người có việc làm ổn định. Người thất nghiệp thường phải đối mặt với nhiều khó khăn kinh tế và hành chính trong cuộc sống hơn và có thể vì vậy dễ nhận thấy tác hại của tham nhũng hơn. Đối với những người về hưu (chủ yếu là từ khu vực công), thái độ phê phán có thể xuất phát từ ký ức về thời điểm những năm trước khi tham nhũng chưa bị cảm nhận là một vấn đề nghiêm trọng ở Việt Nam¹⁰.

Những tín đồ Phật giáo và Thiên chúa giáo nhìn chung có cảm nhận ít tiêu cực hơn so với những người tự coi là vô thần hoặc theo các tôn giáo khác.

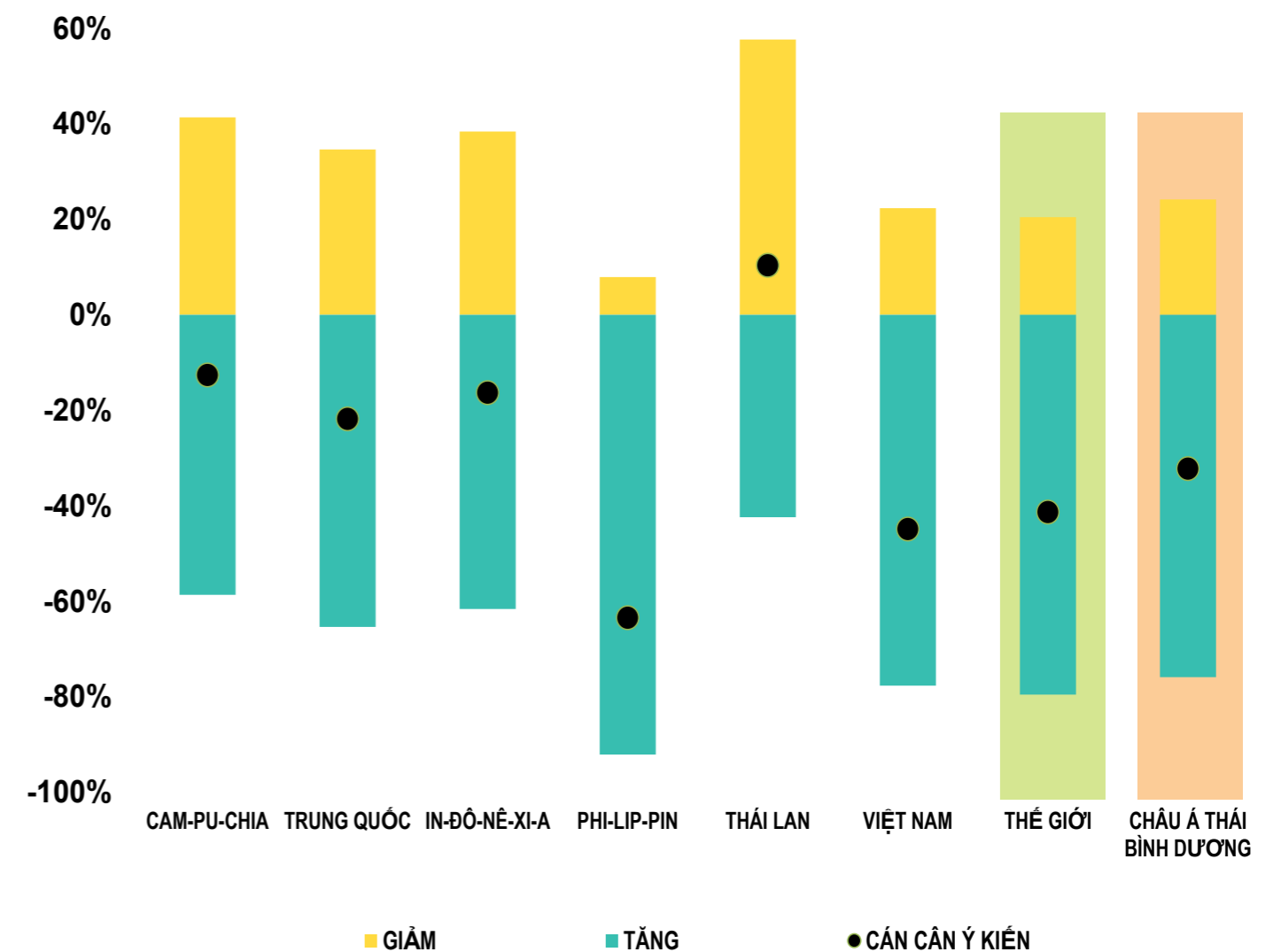
1.2 SO SÁNH VỚI CẢM NHẬN Ở CÁC NƯỚC LÂN CẬN ĐƯỢC KHẢO SÁT

Để đánh giá cảm nhận về tham nhũng không nên chỉ nhìn vào giá trị bề nổi của những số liệu. Bởi vì, mọi dữ liệu đều có yếu tố chủ quan, và thường có khuynh hướng làm nghiêm trọng hóa những nhận định tiêu cực. Do vậy, điều quan trọng là phải đối chiếu kết quả khảo sát này với các kết quả thu được ở những khảo sát khác. Khi so sánh Việt Nam với các nước lân cận đã được khảo sát, chỉ duy nhất người dân Phi-lip-pin có nhận thức tiêu cực hơn về tình trạng tham nhũng ở đất nước họ (xem Biểu đồ 3). Cảm nhận về tham nhũng của cư dân đô thị Việt Nam cũng nằm dưới mức trung bình của thế giới và khu vực.

Nếu xét đến thái độ lạc quan chung của người dân Việt Nam trong hầu hết các cuộc khảo sát ý kiến (ví dụ World Value Surveys, ...), cùng với thái độ miễn cưỡng thể hiện công khai quan điểm bất đồng trong bối cảnh xã hội có sự kiểm soát chặt chẽ, thì mức độ phê phán cao đối với sự phát triển của tham nhũng trong 3 năm qua là một vấn đề đáng quan ngại. Tuy nhiên, đây cũng có thể là một biểu hiện cho thấy một môi trường ngày càng cởi mở hơn để công chúng bày tỏ ý kiến công khai và người dân Việt Nam ngày càng cảm thấy thoải mái hơn khi thể hiện các quan điểm mang tính phê phán.

BIỂU ĐỒ 3

Sự phát triển của cảm nhận về tham nhũng trong 3 năm qua ở một số nước:



1.3 NHỮNG NGÀNH BỊ COI LÀ CHỊU ẢNH HƯỞNG NHẤT BỞI THAM NHŨNG

Phong vũ biểu Tham nhũng 2010 đã đề nghị người tham gia khảo sát nêu cảm nhận của họ về mức độ tham nhũng trong 11 ngành và thiết chế chủ chốt ở Việt Nam¹¹, với 1 là mức không có tham nhũng và 5 là cực kỳ tham nhũng. Biểu đồ 4 cho thấy mức độ tham nhũng rất khác nhau ở các ngành khác nhau.

Ngành cảnh sát và giáo dục bị coi là tham nhũng nhiều nhất. 95% người được hỏi nhận thấy cảnh sát có tham nhũng (trong đó 38% cho rằng ngành này “cực kỳ tham nhũng”), điều này cho thấy tham nhũng trong ngành cảnh sát khá phổ biến. Trên thế giới, các báo cáo quốc tế cũng cho thấy ngành cảnh sát luôn là một trong những ngành được người dân cảm nhận là tham nhũng nhất. Tuy nhiên cũng cần lưu ý rằng kết quả khảo sát này có thể chỉ phản ánh cảm nhận của người dân đối với cảnh sát giao thông vì đây là lực lượng cảnh sát mà cư dân đô thị thường tiếp xúc nhiều nhất, và như vậy có thể chưa thực sự phản ánh nhận thức chung của người dân về toàn bộ lực lượng cảnh sát¹².

89% số người được hỏi cho rằng ngành giáo dục có tham nhũng (trong đó 22% cảm nhận đây là ngành “cực kỳ tham nhũng”). Người dân có thể dễ dàng nhận biết tham nhũng trong giáo dục bởi vì đó là ngành mà mọi gia đình đều phải tiếp xúc. Tỷ lệ tham nhũng cao trong giáo dục có thể xuất phát từ áp lực và sự cạnh tranh gay gắt đối với giáo dục chất lượng cao, đặc biệt là ở các đô thị¹³.

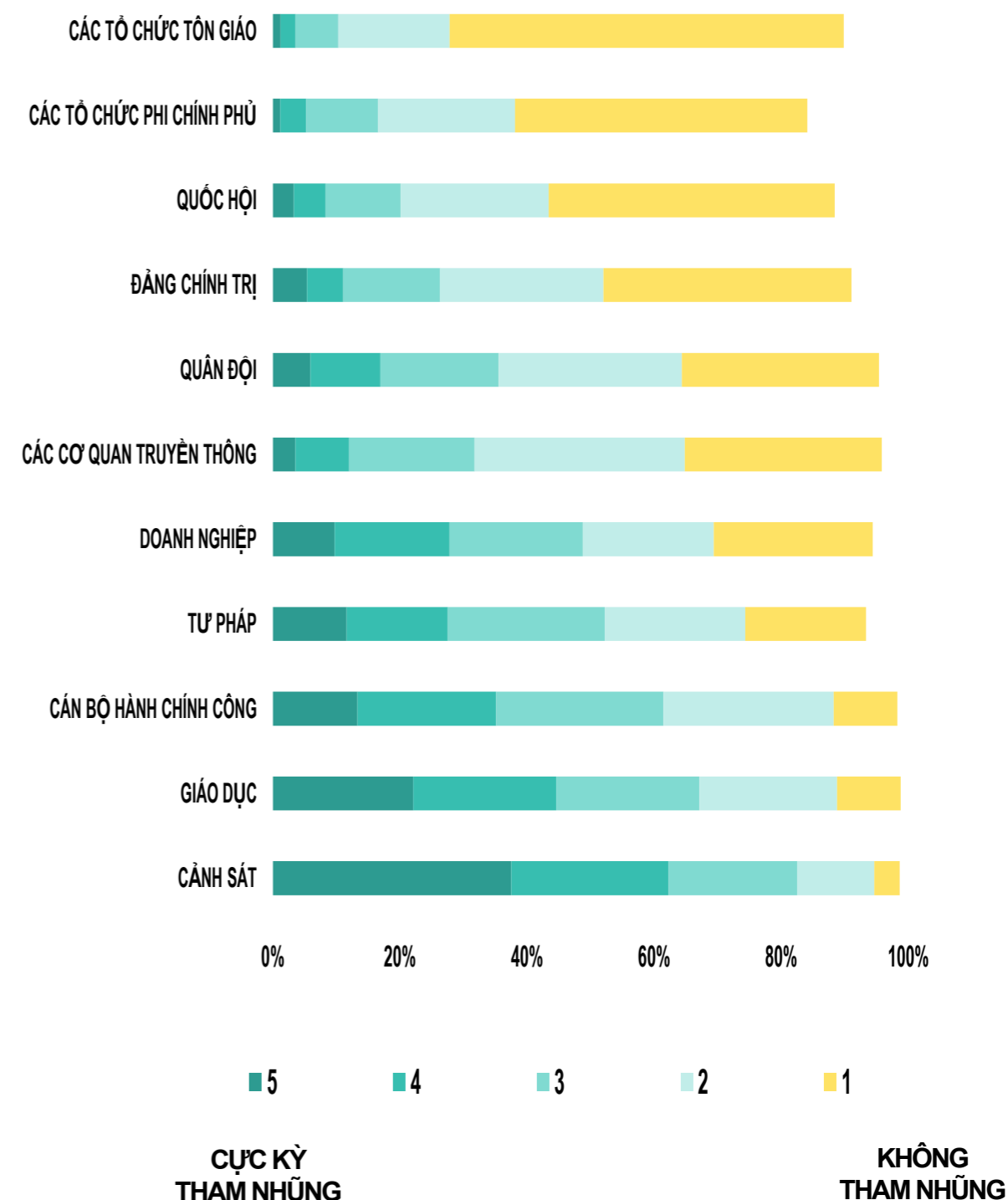
88% số người được hỏi nhận thấy cán bộ viên chức khu vực hành chính công có tham nhũng (tuy nhiên chỉ 13% trong số này cho rằng nhóm đối tượng này “cực kỳ tham nhũng”). Bức tranh hai mặt này có thể xuất phát từ thực tế rằng đây là nhóm đối tượng xuất hiện ở nhiều lĩnh vực dịch vụ và nhiều cấp- từ cấp trung ương cho tới cấp khu vực và địa phương, trong khi công chức ở các cấp và các khu vực khác nhau lại có những cách ứng xử rất khác nhau.

Cán bộ ngành tư pháp được cảm nhận là trong sạch hơn. Mặc dù ngành này đứng thứ tư trong bốn ngành bị coi là tham nhũng nhất, khoảng 1/4 (25%) số người được hỏi cho rằng không hề có tham nhũng trong ngành tư pháp.

Ở phương diện ít tham nhũng, các tổ chức tôn giáo được cho là ít tham nhũng nhất trong số những ngành và lĩnh vực được khảo sát. 62% số người được hỏi cho rằng không hề có tham nhũng và chỉ 1% cho rằng các tổ chức tôn giáo “cực kỳ tham nhũng”. Tiếp theo tôn giáo là các tổ chức phi chính phủ (với con số tương ứng là 45% và 1%), Quốc hội (45% và 3%), Đảng Cộng sản (Đảng chính trị: 39% và 5%), các cơ quan truyền thông (30% và 4%), quân đội (31% và 6%).

Kết quả khảo sát trong các doanh nghiệp và khu vực tư nhân cũng cho thấy một bức tranh hai mặt, với 69% người được hỏi nói rằng khu vực này có tham nhũng dưới một số hình thức, trong số đó chỉ 10% cho rằng khu vực này “cực kỳ tham nhũng”.

BIỂU ĐỒ 4
Cảm nhận về tham nhũng theo ngành *



* Những câu trả lời “không biết” hoặc không trả lời không được đưa vào Biểu đồ 4

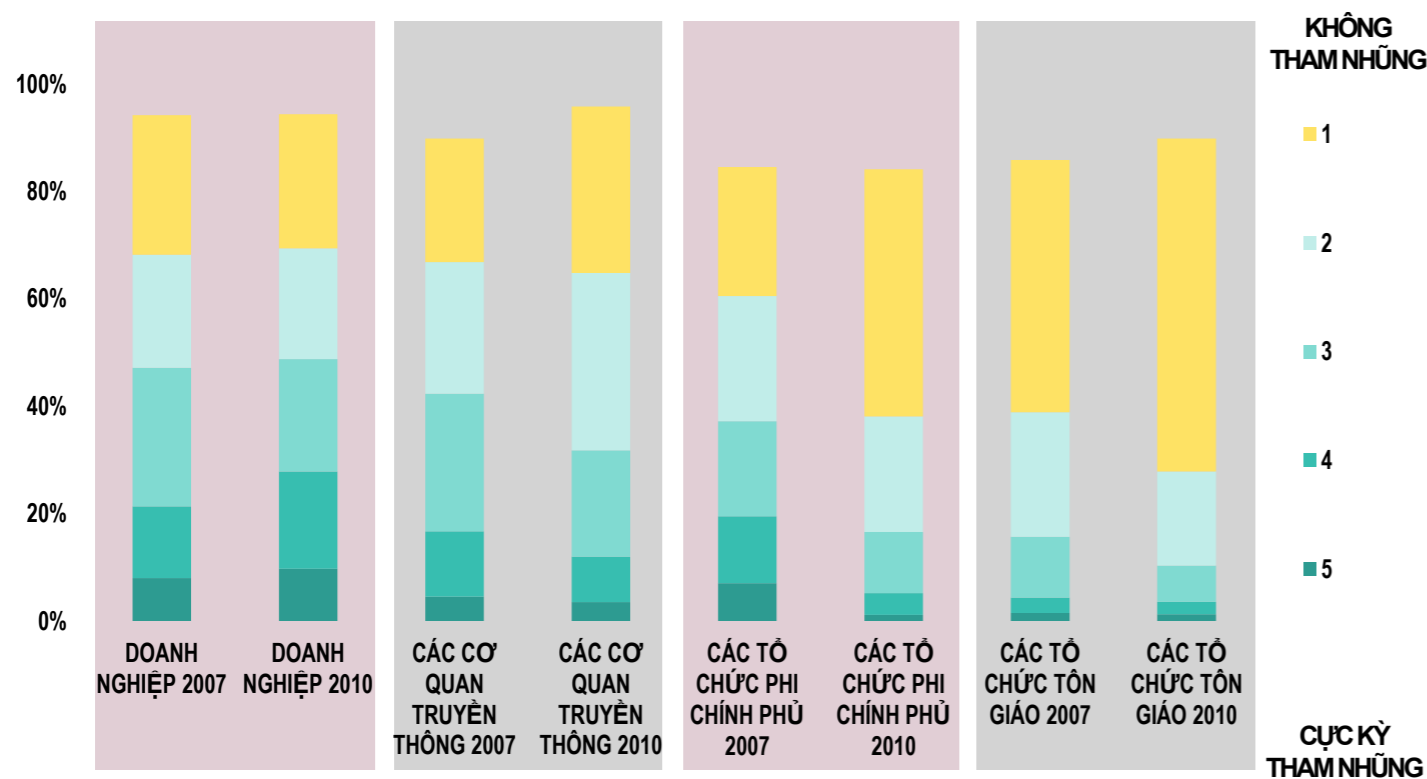
**Bảng hỏi tiếng Việt dùng từ “Đảng” với nghĩa là Đảng Cộng sản Việt Nam.

1.4 NHỮNG XU THẾ ĐƯỢC XÁC ĐỊNH TỪ 2007

Để đánh giá những kết quả khảo sát, có thể so sánh những kết quả này với số liệu của Phong vũ biểu Tham những 2007 và 2010, chỉ có bốn nhóm¹⁴: doanh nghiệp, các cơ quan truyền thông, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức tôn giáo là đều được đưa vào khảo sát để tìm hiểu cảm nhận của người dân. Nhìn tổng thể có thể thấy tham những trong bốn nhóm nói trên được cảm nhận là có xu hướng giảm. Mặc dù tham những trong khu vực tư nhân lại được cho là tăng nhẹ (47% người được hỏi cho rằng tham những ở mức trung bình, nghiêm trọng và cực kỳ cao trong năm 2007; so với 49% trong năm 2010). Đáng chú ý là xu thế tích cực của các cơ quan truyền thông (mức độ cảm nhận về tham những giảm từ 42% năm 2007 xuống 32% năm 2010), các tổ chức tôn giáo (giảm từ 16% xuống 10% năm 2010) và đặc biệt là đối với các tổ chức phi chính phủ (giảm từ 37% xuống 17%).

BIỂU ĐỒ 5

So sánh cảm nhận về tham những trong bốn ngành trong giai đoạn 2007-2010 *



*Các câu trả lời "không biết" hoặc không trả lời không được đề cập trong Biểu đồ 5.

1.5 SO SÁNH CẢM NHẬN VỀ THAM NHỮNG THEO NGÀNH GIỮA CÁC THÀNH PHẦN DÂN CƯ

Nhìn chung, những người trẻ cho rằng khu vực doanh nghiệp và các cơ quan truyền thông có tham những nhiều hơn. Cảm nhận chung của người trẻ về tham những trong khu vực doanh nghiệp có thể được lý giải bởi thực tế là họ phải thường xuyên tìm kiếm việc làm hơn và do đó có quan điểm nhạy cảm hơn. Có thể tiến hành phân tích thêm về tham những trong các cơ quan truyền thông, như báo in, truyền hình, Internet, v.v. khi mà những mẫu phân tích này chưa được đưa vào bảng hỏi ban đầu của Phong vũ biểu. So với những người trẻ thì những người được hỏi ở độ tuổi trên 50 lại có cảm nhận tích cực hơn về mức độ tham những của cán bộ viên chức trong khu vực hành chính công. Tuy nhiên, họ (những người trên 50 tuổi) cũng là đối tượng ít có nguy cơ phải trở thành nạn nhân của tham những hơn so với giới trẻ, và điều này sẽ được đề cập ở những phần sau của báo cáo này.

Những người có học vấn cao hơn thường có nhận thức tiêu cực hơn về tham những trong khu vực doanh nghiệp, giới truyền thông và hệ thống giáo dục. Bên cạnh sự nhận thức tốt hơn và nhạy cảm hơn với tham những, những người có học vấn cao còn có hiểu biết sâu hơn về cách thức vận hành của khu vực doanh nghiệp (vì họ thường tham gia vào cấp quản lý trong doanh nghiệp) và cách thức hoạt động của các cơ quan truyền thông (mặc dù có thể họ còn hoài nghi hơn về các sản phẩm truyền thông).

Những người thất nghiệp khi được hỏi có xu hướng cho rằng cán bộ công chức trong khu vực hành chính công và một số ngành khác có tham những. Điều này có thể được lý giải là người thất nghiệp thường phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức trong cuộc sống hơn những người có việc làm, đặc biệt là khi tiếp cận các dịch vụ công, và do đó họ có thể có một cái nhìn bi quan hơn về thực trạng xã hội. Cuối cùng, như chúng ta đã thấy trong phần đề cập đến sự thay đổi trong cảm nhận về tham những, giới hưu trí thường có cái nhìn phê phán hơn về tham những.

Cư dân ở các thành phố lớn khi được hỏi đều có cảm nhận chung rằng mức độ tham những trong các ngành được khảo sát cao hơn. Ví dụ ở Hà Nội, 86% người được phỏng vấn nhận thấy có tham những trong hệ thống giáo dục. Điều này khớp với kết quả khảo sát trong một báo cáo trước đó của Tổ chức Minh bạch Quốc tế về các Hình thức và Hậu quả của Tham những trong giáo dục ở Việt Nam, trong đó chỉ ra rằng tình trạng cạnh tranh cao trong dân cư đô thị ở Hà Nội đã dẫn tới một số hình thức tham những trong giáo dục, như dạy thêm hay đút lót để con em được vào trường chuyên, lớp chọn.

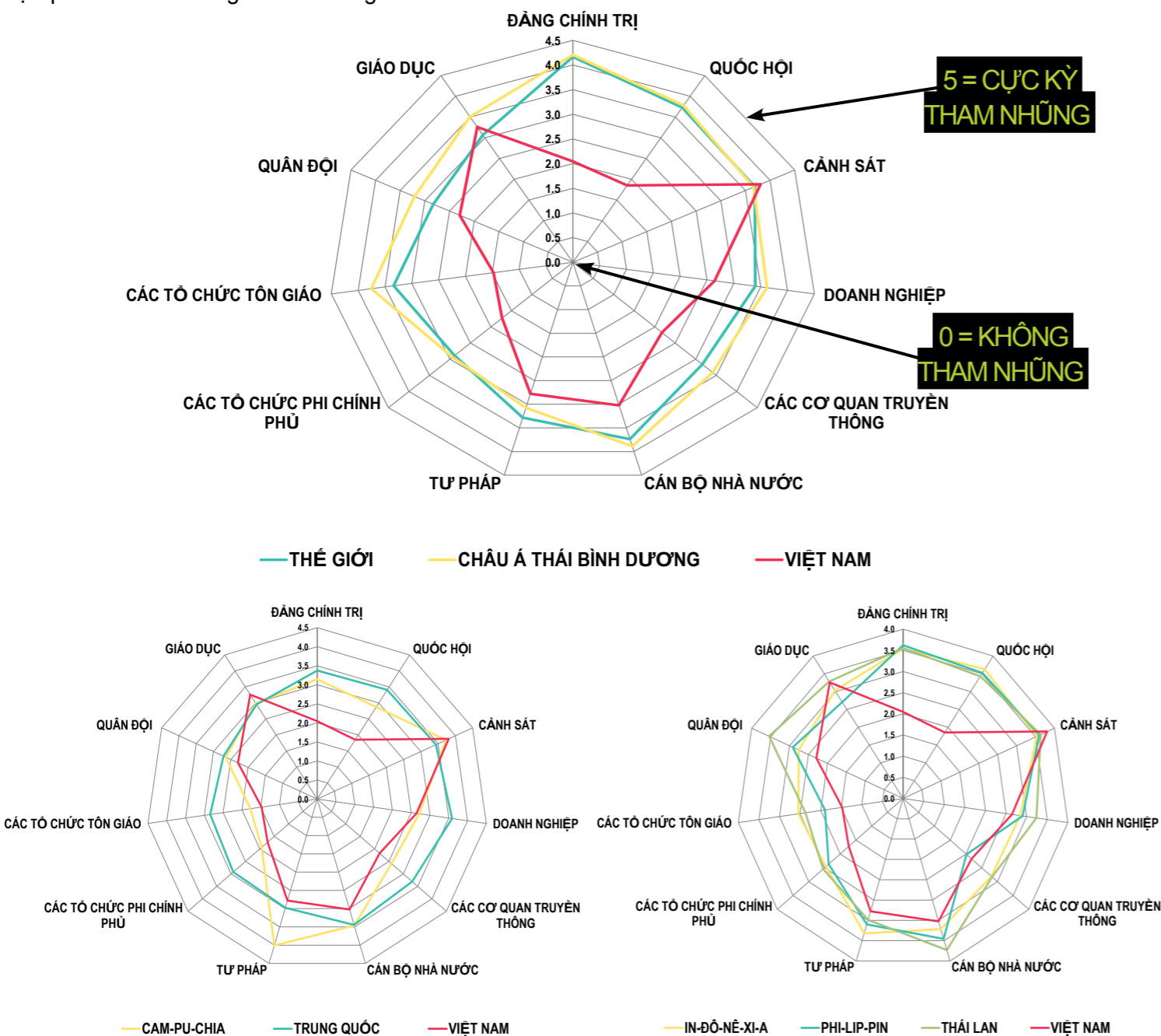
1.6 SO SÁNH CẢM NHẬN VỀ THAM NHỮNG THEO NGÀNH VỚI CÁC NƯỚC LÂN CẬN

Cảm nhận của cư dân đô thị Việt Nam về tham nhũng tích cực hơn so với cảm nhận của người dân các nước lân cận (xem biểu đồ 6). Trừ ngành cảnh sát, tất cả các ngành được khảo sát ở Việt Nam đều được cảm nhận chung là ít tham nhũng hơn so với các nước khác trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới. Mặc dù có thể cư dân đô thị Việt Nam lo lắng hơn về sự phát triển của nạn tham nhũng trong nước trong vòng 3 năm qua, nhưng cảm nhận của họ về tình trạng tham nhũng trong các ngành cụ thể cũng như sự tin tưởng vào các thiết chế chủ chốt lại khả quan hơn: Điều này phải chăng cho thấy người dân Việt Nam nói chung thường đánh giá thực trạng một cách lạc quan hơn và tin tưởng hơn vào tương lai?

BIỂU ĐỒ 6

So sánh cảm nhận về tham nhũng theo ngành với các nước lân cận

Trong biểu đồ này, điểm 0 chỉ những ngành không có tham nhũng và điểm 5 chỉ những ngành được cảm nhận là cực kỳ tham nhũng. Ở một nước, "mạng" càng lớn thì các thiết chế liên quan ở nước đó càng bị xem là tham nhũng.



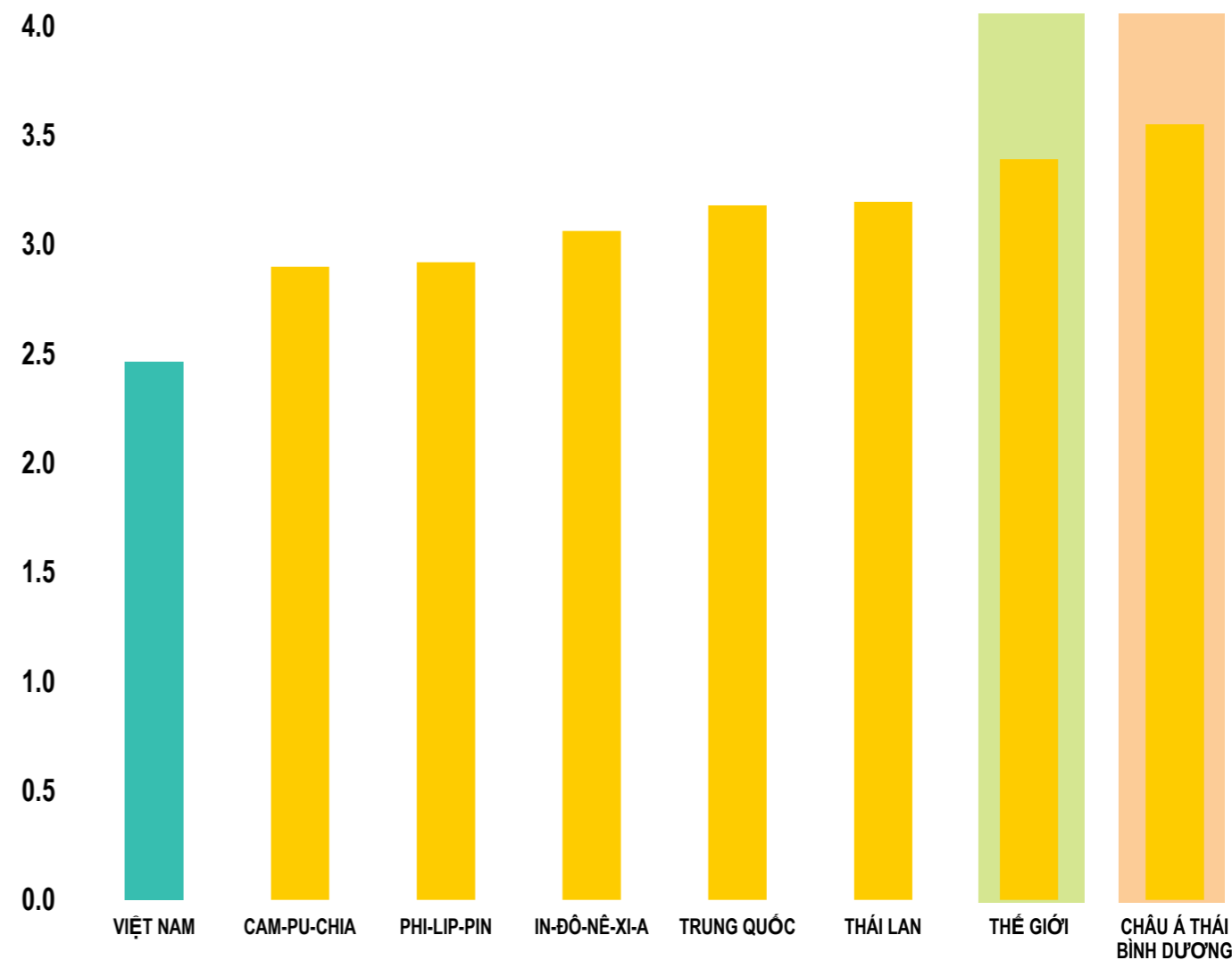
PHONG VŨ BIỂU THAM NHỮNG TOÀN CẦU 2010

Biểu đồ 7 cho biết điểm số trung bình cho cảm nhận về tham nhũng (trong 11 thiết chế) ở một số nước châu Á. Với điểm số trung bình là 2,5 (trên thang điểm 5), cư dân đô thị Việt Nam không chỉ nhận thấy mức độ tham nhũng theo ngành thấp hơn bất kỳ nước nào khác trong khu vực, mà Việt Nam còn nằm trong số những nước có mức độ tham nhũng được cảm nhận thấp nhất trên thế giới. Trong số các nước được khảo sát trong Phong vũ biểu Tham nhũng 2010, chỉ có người dân Ma Rốc (2.1) và Thụy Sĩ (2.5) khi được khảo sát cảm nhận rằng tham nhũng trong những thiết chế và ngành chủ chốt ở đất nước họ ở mức thấp hơn hoặc tương đương Việt Nam. Khi liên hệ những câu hỏi về cảm nhận tham nhũng theo

ngành với sự phát triển của tham nhũng, thì một câu hỏi đặt ra là nếu như cư dân đô thị Việt Nam cho rằng tham nhũng ngày càng tăng và nếu những cảm nhận đó xuất phát từ trải nghiệm thực tế của họ, thì cảm nhận của họ về tham nhũng trong một số ngành và thiết chế cụ thể sẽ thấp hơn các nước khác trong thời gian bao lâu?

BIỂU ĐỒ 7

Điểm trung bình về mức độ tham nhũng được cảm nhận trong 11 ngành được khảo sát ở các nước trong khu vực



Phân tích quan điểm và trải nghiệm về tham nhũng của cư dân đô thị Việt Nam

2. TRẢI NGHIỆM VỀ THAM NHỮNG Ở ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Cảm nhận và trải nghiệm về tham nhũng là hai mặt tương quan dù không nhất thiết mỗi mặt đều phản ánh chính xác mặt kia¹⁵. Cảm nhận về tham nhũng có thể không phải luôn có mối tương quan tích cực với những trải nghiệm tham nhũng như ta mong muốn. Một số yếu tố bên ngoài khác có thể ảnh hưởng đến sự cảm nhận, như cách đưa tin của báo chí, khả năng nhận biết các vấn đề tham nhũng và tăng trưởng kinh tế. Do vậy, không nên coi cảm nhận về tham nhũng là chỉ số duy nhất để đánh giá mức độ tham nhũng thực tế, và quan trọng là những cảm nhận và trải nghiệm thực tế về tham nhũng phải được đánh giá và phân tích tách biệt nhằm hiểu rõ hơn những mối tương quan hiện hữu giữa chúng.

Khi đánh giá trải nghiệm về tham nhũng thông qua các khảo sát thì tham nhũng vật sẽ dễ theo dõi hơn tham nhũng lớn. Nguyên nhân không chỉ bởi vì tham nhũng lớn sẽ khó bị phát hiện và điều tra hơn, mà còn vì người ta ít muốn thừa nhận sự liên quan của mình hơn. Khi những người có liên quan có động cơ hành động vì tư lợi, việc thu thập những chỉ số đáng tin cậy thông qua những biện pháp đo lường trực tiếp sẽ khó khăn hơn. Trong Phong vũ biểu Tham nhũng 2010 (cũng như trong nhiều cuộc khảo sát theo hộ gia đình khác), trải nghiệm về tham nhũng của những công dân bình thường thường được nắm bắt qua những câu hỏi sau:

A. “Trong 12 tháng qua, anh/chị hoặc bất kỳ thành viên nào trong gia đình có tiếp xúc với những cơ quan/tổ chức sau?”; và

B. “Trong 12 tháng qua, anh/chị hoặc bất kỳ thành viên nào trong gia đình có đưa hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào cho bất kỳ cơ quan/tổ chức nào dưới đây?”

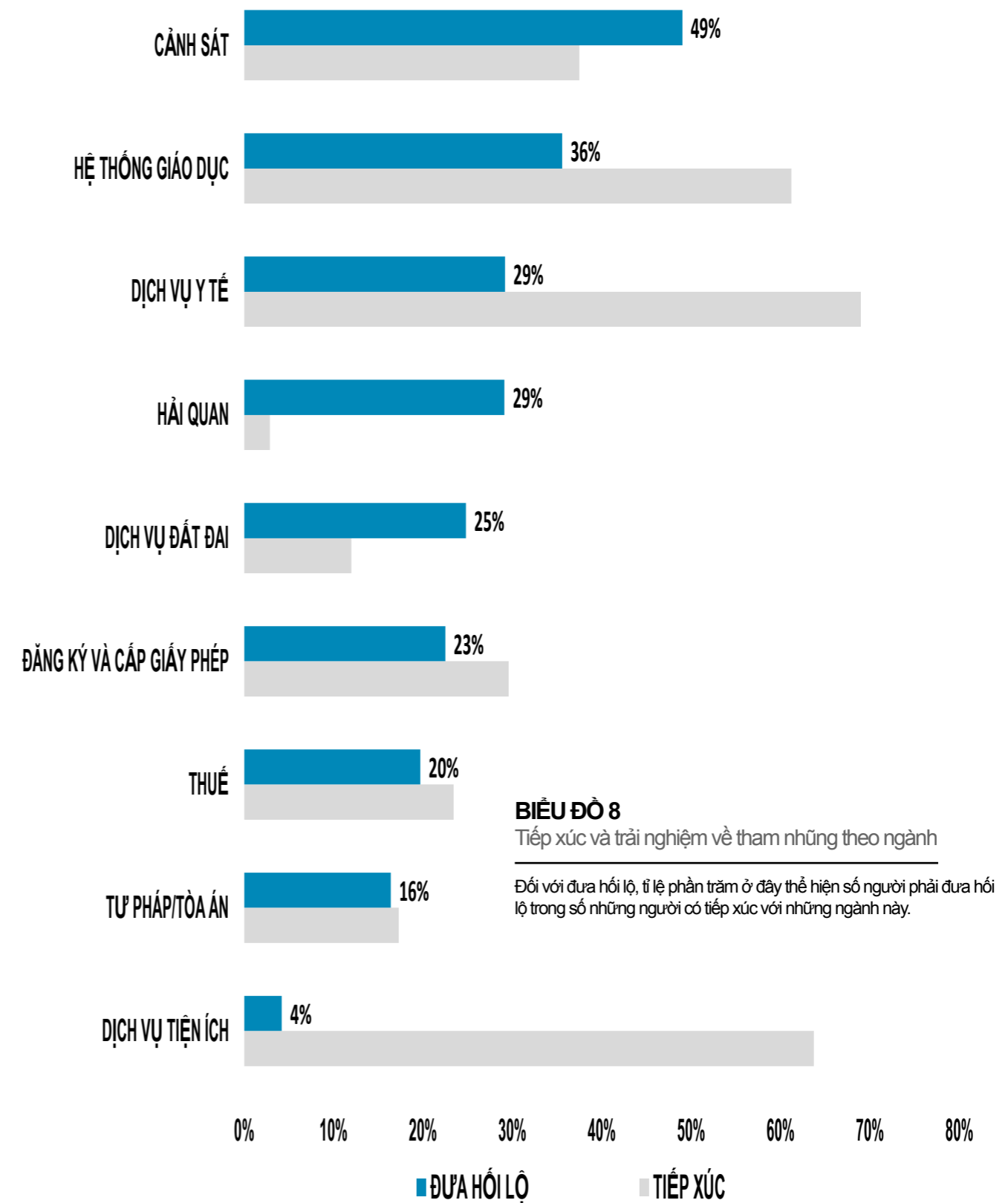
2.1 TRẢI NGHIỆM VỀ THAM NHỮNG THEO NGÀNH

Phong vũ biểu tham nhũng đã khảo sát trải nghiệm của người dân về tham nhũng trong chín ngành khác nhau¹⁶. Kết quả cho thấy một tỷ lệ tham nhũng cao ở Việt Nam: 40,5% cư dân đô thị Việt Nam đã ít nhất một lần đưa hối lộ trong vòng một năm qua cho ít nhất một trong số chín ngành được khảo sát. Tuy nhiên, như biểu đồ 8 cho thấy, vì những người được hỏi không thường xuyên tiếp xúc với một số ngành nhất định (hơn 7% số người được hỏi không hề tiếp xúc với bất cứ ngành nào trong số chín ngành đã liệt kê), nên tỷ lệ trải nghiệm tham nhũng thực tế của người dân còn có thể cao hơn nhiều.

Tương tự với tỷ lệ cảm nhận tham nhũng ở một số ngành cụ thể, cảnh sát và giáo dục cũng được xem là những ngành có tỷ lệ trải nghiệm thực tế về tham nhũng cao nhất (49% và 36% số người được hỏi có tiếp xúc với những ngành này đã từng đưa hối lộ).

Tham nhũng trong giáo dục đã trở nên phổ biến trong vài năm qua ở những thành phố nơi cạnh tranh về “giáo dục chất lượng” ngày càng tăng. Tỷ lệ tham nhũng trong y tế và hải quan cũng rất cao (29% người sử dụng dịch vụ ở hai ngành này đã đưa hối lộ).

25% và 23% số người được hỏi có tiếp xúc với các dịch vụ về đất đai, dịch vụ đăng ký và cấp phép đã đưa hối lộ. Kết quả này cũng tương ứng với những nghiên cứu và phân tích trước đó¹⁷. Tuy nhiên, vì khảo sát chỉ tiến hành đối với cư dân đô thị nên các hiện tượng tham nhũng trong dịch vụ đất đai mà cư dân nông thôn Việt Nam gặp phải không được phản ánh đầy đủ. Do dịch vụ đất đai được coi là một trong những lĩnh vực dễ bị tác động bởi tham nhũng nhất, Phong vũ biểu Tham nhũng năm 2012 nên khảo sát cảm nhận của người dân về tham nhũng trong lĩnh vực này sâu hơn để có một bức tranh đầy đủ hơn.



Tỉ lệ tham nhũng thấp hơn một chút trong ngành thuế (20%) và tư pháp (16%) có thể là kết quả của những nỗ lực mạnh mẽ nhằm hiện đại hóa những ngành này. Các ngành cung cấp dịch vụ tiện ích (điện, nước v.v...) là những ngành khá "sạch" với kết quả tham nhũng chỉ khoảng 4%, và điều này cho thấy người dân đô thị rất ít gặp phải các giao dịch có tham nhũng trong những ngành này¹⁸.

Phân tích sâu hơn những kết quả khảo sát cho thấy một số khác biệt rõ rệt nữa. Đó là, mặc dù phụ nữ thường phê phán thực trạng tham nhũng ở Việt Nam nhiều hơn và nói chung tiếp xúc nhiều hơn với những ngành dễ có tham nhũng, như giáo dục và y tế, nhưng nam giới Việt Nam sống ở đô thị lại có nhiều trải nghiệm thực tế về tham nhũng hơn. Điều này đặc biệt đúng với ngành cảnh sát, với 53% nam giới có tiếp xúc với cảnh sát trong năm qua đã gặp phải tham nhũng, so với 44% phụ nữ.

Kết quả này có thể được lý giải bởi thực tế là nam giới thường có xu hướng tham dự vào các hành vi không chính trực hơn và dễ bị lôi kéo vào việc nhận hối lộ hơn, hoặc có thể là vì nam giới thường sẵn sàng đưa hối lộ để giải quyết công việc cho nhanh. Trong mọi trường hợp, việc phụ nữ cảm nhận tỉ lệ tham nhũng cao hơn mặc dù thực sự trải nghiệm tham nhũng ít hơn có lẽ giúp củng cố thêm quan điểm cho rằng phụ nữ thường liêm chính hơn và ít tham nhũng hơn nam giới¹⁹.

Cư dân đô thị Việt Nam ở độ tuổi 31-40 trải nghiệm tham nhũng nhiều hơn những độ tuổi khác. Điều này đặc biệt đúng đối với ngành cảnh sát (61%), giáo dục (47%), y tế (40%) và đăng ký/cấp phép (31%). Như đã đề cập ở trên, tỉ lệ trải nghiệm tham nhũng của nhóm tuổi này lớn hơn có thể vì đây là giai đoạn mỗi người phải lập gia đình, xây nhà, sinh con và gánh vác rất nhiều trách nhiệm từ cha mẹ v.v. Họ phải tiếp xúc nhiều hơn với các dịch vụ công và tư. Đối với nhóm tuổi này, sự tương quan giữa kinh nghiệm sống và trải nghiệm tham nhũng cũng rõ ràng hơn vì họ là nhóm có cảm nhận rõ rệt nhất rằng tham nhũng đang ngày càng tồi tệ hơn trong vòng 3 năm qua.

Những người có thu nhập cao hơn cũng trải nghiệm tham nhũng nhiều hơn. Ví dụ trong lĩnh vực giáo dục, 58% số người được hỏi có mức thu nhập "trung bình khá" có trải nghiệm về tham nhũng so với 33% số người được hỏi có mức thu nhập "thấp". Cũng có thể thấy bức tranh tương tự trong ngành y tế, cảnh sát và các dịch vụ cấp phép. Điều này có thể xuất phát từ thực tế là các cán bộ, công chức biết rằng họ có thể vòi tiền dễ hơn từ những người có thu nhập cao, và những người có thu nhập cao cũng có tâm lý muốn đưa hối lộ để "được việc". Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là tham nhũng tác động nặng nề hơn đối với những người có thu nhập cao, vì tác động của những khoản hối lộ thường không tương xứng với những người ít có khả năng tài chính để hối lộ. Mặc dù những người có thu nhập thấp có thể trải nghiệm tham nhũng ở mức độ thấp hơn, nhưng họ lại phải mất phần lớn hơn trong thu nhập của mình cho tham nhũng.

Tham nhũng xảy ra thường xuyên hơn ở phía Bắc, đặc biệt ở Hà Nội với tỉ lệ tham nhũng rất cao, ví dụ trong giáo dục (với 70% số người được hỏi có tiếp xúc với ngành này phải đưa hối lộ), cảnh sát (60%) hay y tế (52%). Trong khi đó, chỉ 6% số người được hỏi ở thành phố Hồ Chí Minh có tiếp xúc với ngành giáo dục và y tế trả lời là họ phải đưa hối lộ. Sự khác biệt khá lớn này có thể được lý giải bằng xu thế tự nhân hóa ngày càng tăng một số dịch vụ công ở một số thành phố (đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh), tuy nhiên cũng cho thấy những thách thức trong vấn đề quản trị ở Hà Nội.

Dân cư theo đạo Thiên chúa giáo và Phật giáo trải nghiệm tham nhũng ít hơn đáng kể. Phát hiện này có thể có mối liên hệ với các mạng lưới xã hội rộng hơn xung quanh các cộng đồng tôn giáo này.

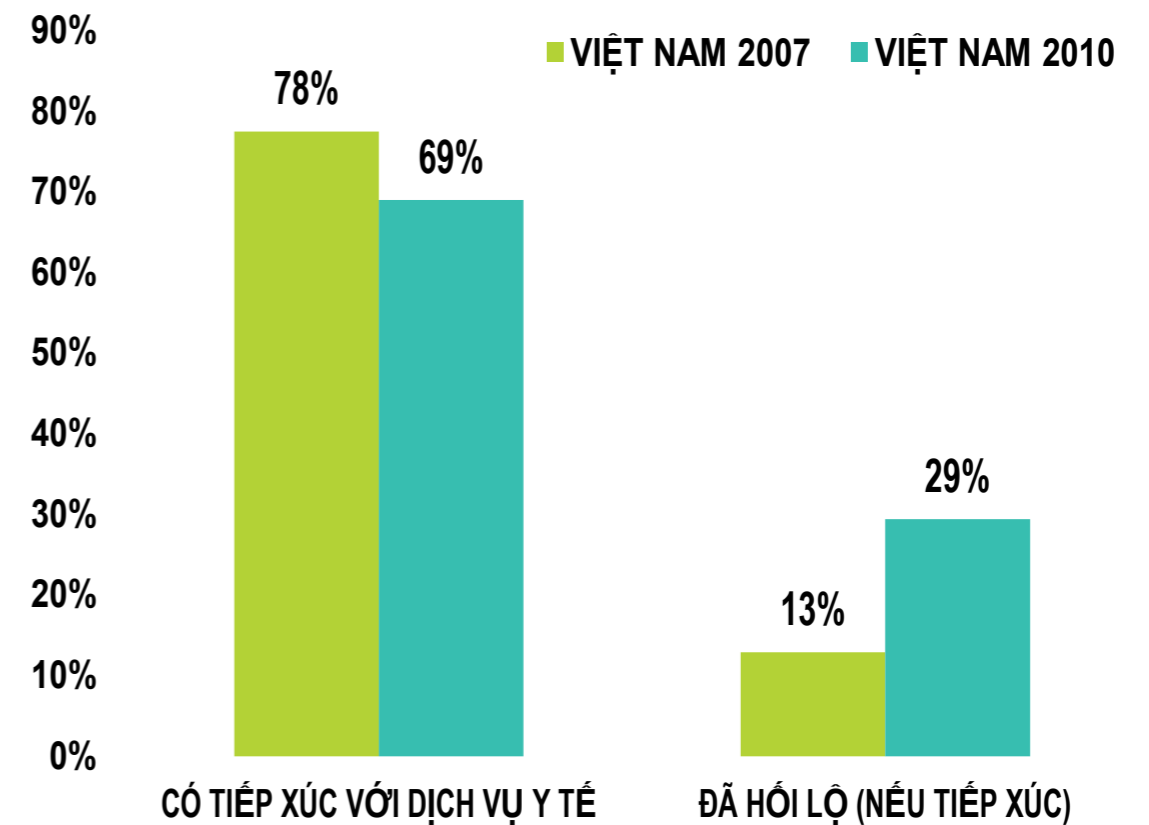
2.2 SỰ THAY ĐỔI TRONG TRẢI NGHIỆM VỀ THAM NHŨNG TRONG Y TẾ THEO THỜI GIAN

Những trải nghiệm về tham nhũng trong ngành y tế được khảo sát trong Phong vũ biểu Tham nhũng ở Việt Nam năm 2007 và 2010 cho phép có sự so sánh về thay đổi trong trải nghiệm về tham nhũng trong vòng 3 năm qua. Kết quả thu được rất đáng lo ngại (xem biểu đồ 9). Năm 2007, "chỉ" 13% cư dân đô thị Việt Nam có tiếp xúc với ngành y tế phải đưa hối lộ. Đến năm 2010, tỷ lệ này tăng hơn gấp đôi, lên tới 29%.

Trong khi đó, số người được hỏi có tiếp cận dịch vụ y tế giảm từ 78% năm 2007 xuống 69% năm 2010. Sự sụt giảm này có thể là do người dân ngày càng miễn cưỡng hơn khi phải tiếp cận với các dịch vụ y tế công (vì những trải nghiệm tham nhũng trước đó) và do mức thu nhập tăng lên nhanh chóng (nhất là ở các đô thị), khiến ngày càng nhiều người tới các phòng khám tư thay vì đến các bệnh viện công.

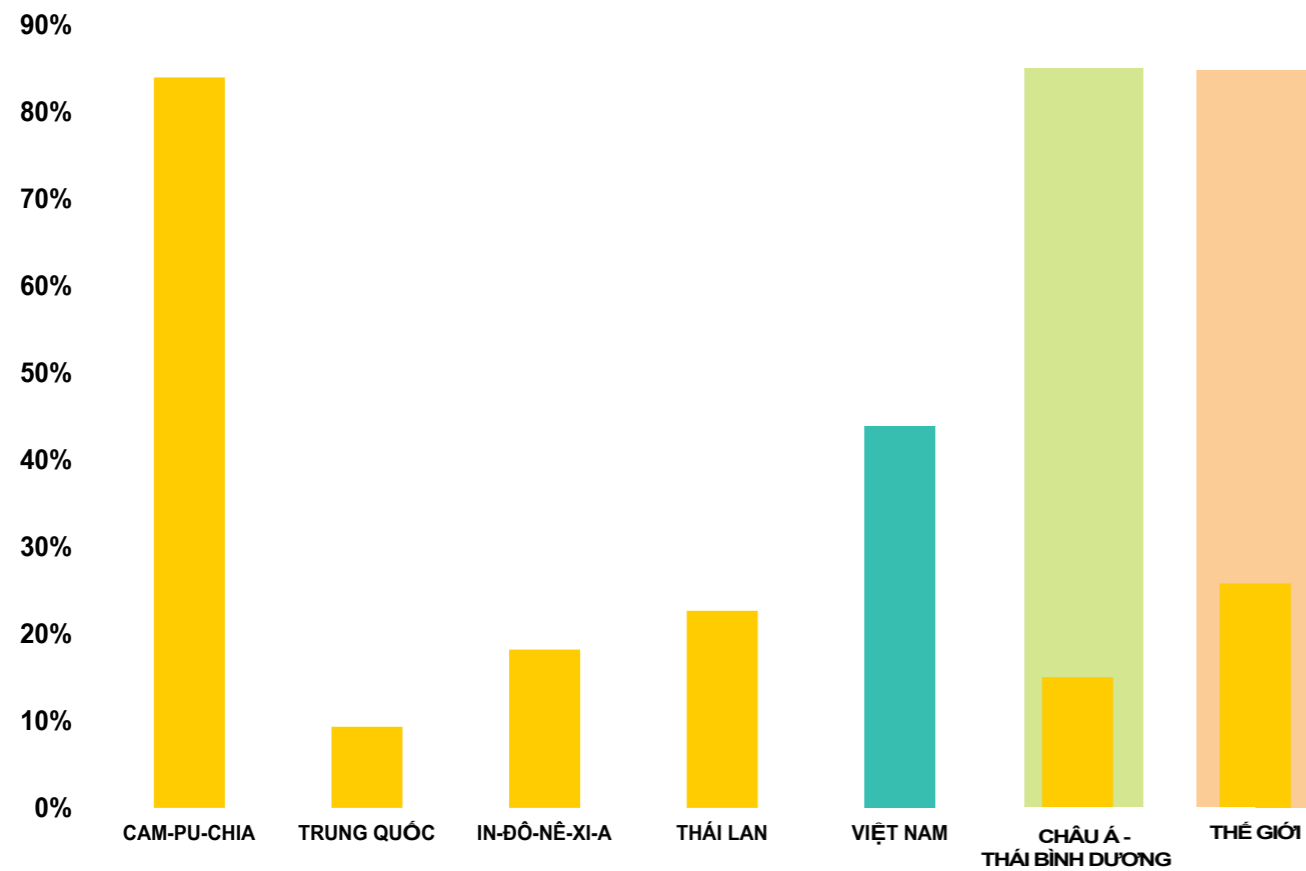
BIỂU ĐỒ 9

Thay đổi trong trải nghiệm về tham nhũng trong y tế trong giai đoạn 2007-2010



2.3 SO SÁNH TRẢI NGHIỆM VỀ THAM NHỮNG VỚI CÁC NƯỚC LÂN CẬN

Nếu đem so sánh mức độ tham nhũng bình quân (đối với 9 ngành đã khảo sát) ở các đô thị Việt Nam với các nước lân cận đã khảo sát, có thể nhận thấy rõ ràng cư dân đô thị Việt Nam trải nghiệm tham nhũng nhiều hơn cư dân các nước trên thế giới và cao hơn mức trung bình của khu vực châu Á - Thái Bình Dương (Biểu đồ 10). Chỉ có người dân Cam-pu-chia là trải nghiệm tham nhũng nhiều hơn đáng kể so với cư dân đô thị Việt Nam.



Tình trạng này nhấn mạnh một nghịch lý: trong khi cư dân đô thị Việt Nam cảm nhận rằng các thiết chế ở nước họ ít bị ảnh hưởng hơn bởi tham nhũng so với các nước láng giềng trong khu vực (và so với hầu hết các nước trên thế giới), trên thực tế họ trải nghiệm tham nhũng nhiều hơn. Tuy nhiên, do chúng kiến sự chuyển đổi ấn tượng và sự phát triển của Việt Nam

BIỂU ĐỒ 10

Tỷ lệ trải nghiệm tham nhũng của những người sử dụng dịch vụ ở một số nước

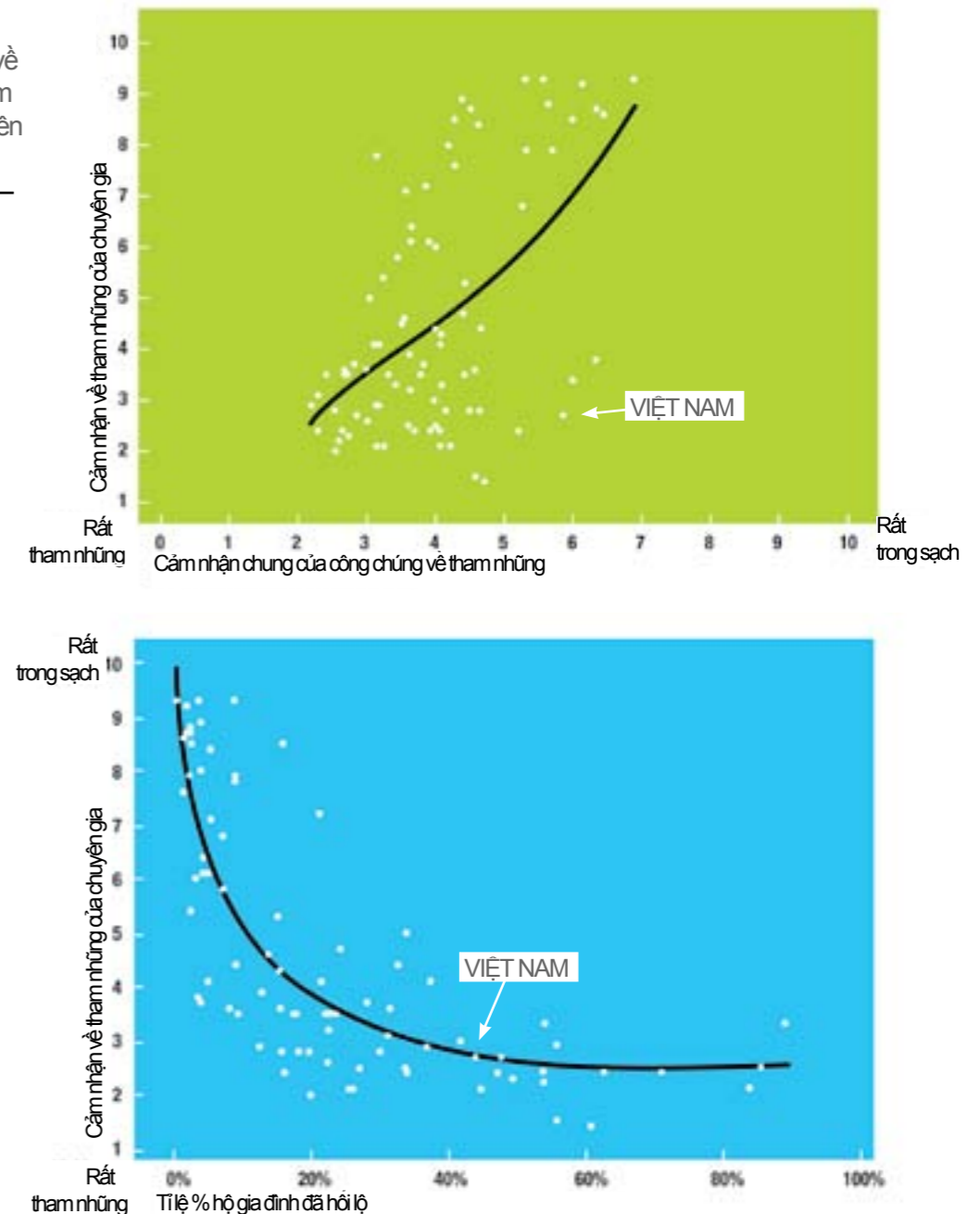
Mức độ trải nghiệm tham nhũng trong bảng này là mức độ trung bình trải nghiệm về tham nhũng của người sử dụng dịch vụ trong 9 ngành được khảo sát

trong vài thập kỷ qua, thật dễ hiểu khi người dân Việt Nam, với những cải thiện trong cuộc sống, cảm nhận tham nhũng thấp hơn. Tuy nhiên, khi được cập nhật về những cấp độ phát triển mới, tỷ lệ tham nhũng cao như vậy sẽ có khả năng hình thành và ảnh hưởng tới cảm nhận của người dân.

Theo cảm nhận về tham nhũng của các chuyên gia trong Chỉ số cảm nhận tham nhũng (CPI) 2010²⁰, Việt Nam đứng thứ 116 trên tổng số 178 nước được khảo sát, với số điểm 2,7 (trong đó 0 chỉ mức độ tham nhũng cao và 10 là rất trong sạch). Khi so sánh với cảm nhận của người dân đô thị Việt Nam trong Phong vũ biểu Tham nhũng 2010, rõ ràng là người dân đô thị nói chung không nhận thấy tham nhũng đang lan tràn ở Việt Nam như cảm nhận của các chuyên gia (Biểu đồ 11). Tuy nhiên, theo số liệu dưới đây, có một mối liên kết mạnh mẽ giữa nhận thức về tham nhũng của chuyên gia với trải nghiệm thực tế về tham nhũng của cư dân đô thị Việt Nam như đã được phản ánh trong Phong vũ biểu Tham nhũng 2010.

BIỂU ĐỒ 11

So sánh cảm nhận và trải nghiệm về tham nhũng của người dân với cảm nhận về tham nhũng của các chuyên gia



Tuy nhiên, việc Phong vũ biểu tham nhũng Việt Nam 2010 chỉ khảo sát các khu vực đô thị có thể dẫn tới sự đánh giá hơi thái quá về mức độ tham nhũng thực sự ở Việt Nam, bởi vì những trải nghiệm về tham nhũng ở khu vực đô thị được phản ánh là cao hơn so với các khu vực nông thôn Việt Nam²¹.

Việc lấy mẫu đại diện của cả cư dân đô thị và cư dân nông thôn Việt Nam trong khảo sát của Phong vũ biểu Tham nhũng 2012 tới đây sẽ cho phép có sự so sánh chính xác hơn và giúp lý giải nghịch lý đã được nhấn mạnh ở trên.

2.4 NHỮNG LÝ DO ĐƯA HỒI LỘ

Những người tham gia khảo sát cũng được hỏi về lý do họ đưa hồi lộ. 81% cư dân đô thị Việt Nam từng đưa hồi lộ trong năm qua cho rằng họ làm vậy để “giải quyết công việc nhanh hơn.” Chỉ 10% người được hỏi trả lời rằng họ đưa hồi lộ để “tránh rắc rối với chính quyền” và 6% là để “nhận được dịch vụ mà lẽ ra họ được hưởng.” Kết quả khảo sát này khá tương đồng giữa các thành phần dân cư, mặc dù phụ nữ và những người ở độ tuổi từ 31-40 có xu hướng đưa hồi lộ vì muốn giải quyết công việc nhanh hơn, nam giới và những người ở độ tuổi dưới 30 thì đưa hồi lộ để “tránh rắc rối”, còn những người trên 50 tuổi thì đưa hồi lộ để “nhận được dịch vụ mà lẽ ra họ được hưởng.”

Nguyên nhân của thực trạng này có thể mang tính xã hội hoặc do văn hóa, khi người Việt Nam luôn cố gắng tránh né việc phải tiếp xúc với các cơ quan công quyền - do đó trong trường hợp không thể né tránh được nữa thì họ luôn muốn tìm cách giải quyết công việc “càng nhanh càng tốt”.

Với những lý do đưa hồi lộ trên, khi so sánh với các nước lân cận và trên thế giới, tỷ lệ người dân Việt Nam đưa hồi lộ để giải quyết công việc nhanh hơn cao hơn rất nhiều so với người dân các nước khác (88% so với tỉ lệ trung bình 28% ở các nước trong khu vực và 22% trên thế giới).

BẢNG 1

Lý do đưa hồi lộ ở Việt Nam và ở nước ngoài

	Tránh rắc rối với chính quyền	Giải quyết công việc nhanh hơn	Nhận được dịch vụ mà lẽ ra họ được hưởng	Không biết	Không nhớ
Việt Nam	10 %	81 %	6 %	1 %	2 %
Châu Á - Thái Bình Dương	12 %	28 %	35 %	20 %	5 %
Trung bình trên thế giới	44 %	22 %	17 %	14 %	3 %

Kết quả trên, nếu được khẳng định bởi các khảo sát khác, sẽ là một kết quả rất quan trọng vì từ đó cho thấy để chống tham nhũng ở Việt Nam, một trong những giải pháp cấp bách nhất là nâng cao hiệu quả của các ngành dịch vụ công. Nói cách khác, hiệu quả của các nỗ lực PCTN có thể được cải thiện đáng kể với một chương trình cải cách hành chính công thành công. Tuy nhiên, để hiểu rõ hơn lý

do mà người dân đưa hồi lộ ở Việt Nam, các cuộc khảo sát trong tương lai cần tìm hiểu xem điều gì sẽ xảy ra nếu người dân không đưa hồi lộ - liệu dịch vụ có được cung cấp bình thường không (hay được cung cấp chậm hơn); và cũng cần xác định xem bao nhiêu người thường tránh tiếp xúc với những thiết chế nào và vì lý do gì: vì những trải nghiệm hay cảm nhận của họ về tham nhũng với thiết chế đó.

3. NHỮNG NỖ LỰC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG VÀ NHỮNG NHÂN TỐ THAM GIA PCTN

3.1 ĐÁNH GIÁ NHỮNG NỖ LỰC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG CỦA CHÍNH PHỦ

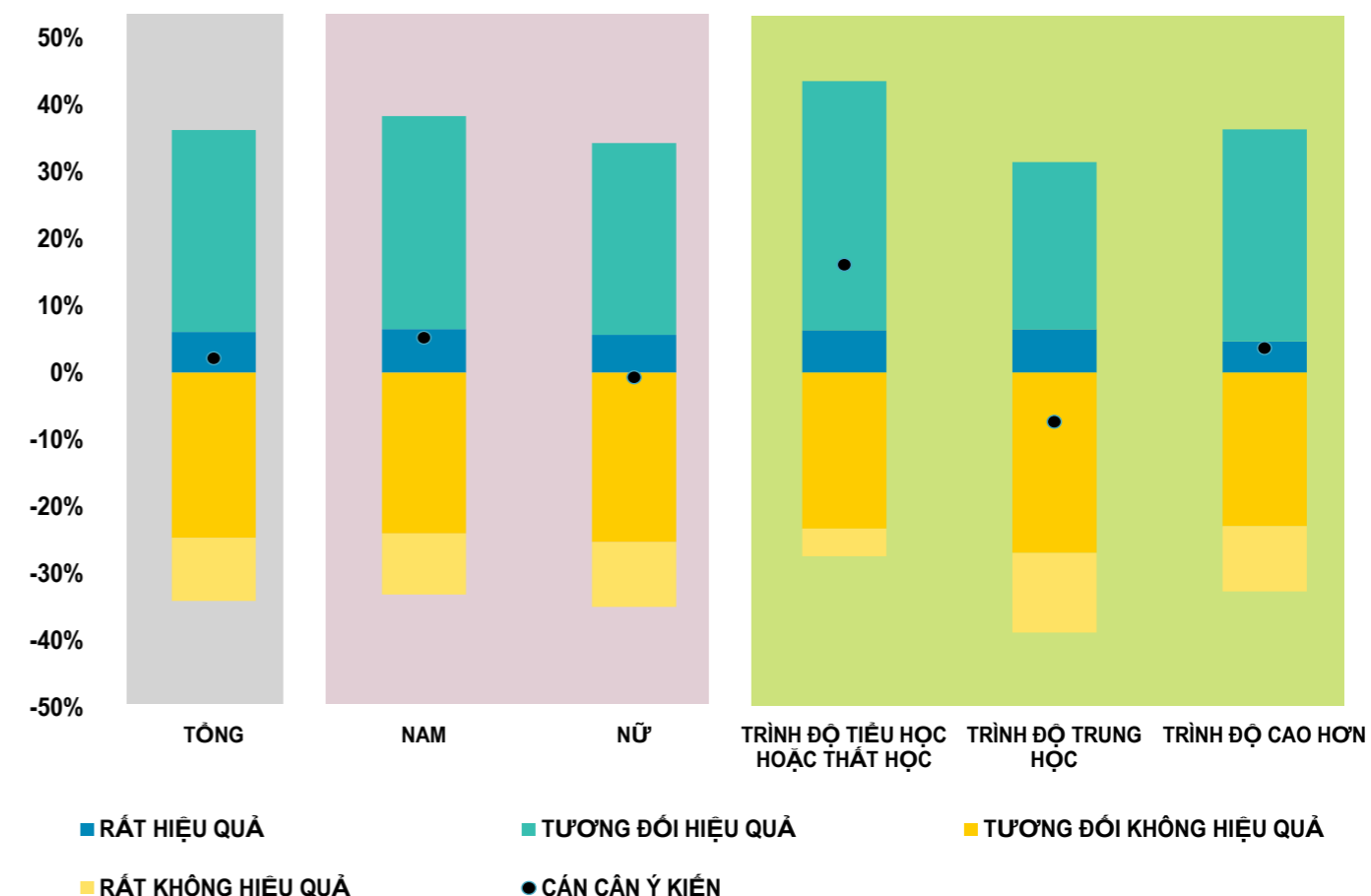
Phong vũ biểu Tham nhũng 2010 yêu cầu người dân Việt Nam đánh giá những nỗ lực PCTN của Chính phủ đồng thời tìm hiểu lòng tin của người dân đối với các thiết chế chống tham nhũng khác nhau cũng như vai trò và sự tham gia của người dân vào những nỗ lực phòng, chống tham nhũng.

Đánh giá tổng thể của cư dân đô thị Việt Nam về những nỗ lực phòng chống tham nhũng của Chính phủ Việt Nam khá cân đối: Một mặt cán cân cho thấy 6,1% số người được hỏi cho rằng những nỗ lực chống tham nhũng của Chính phủ có hiệu quả và 30,2% cho rằng tương đối hiệu quả (tổng cộng 36,3%); mặt khác cán cân lại cho thấy

24,7% số người được phỏng vấn cho rằng những nỗ lực chống tham nhũng của Chính phủ không hiệu quả và 8,4% cho rằng rất không hiệu quả (tổng cộng 33,1%). Nói cách khác, cán cân ý kiến tích cực là dương (+) 2,1% (xem Biểu đồ 12). Gần 1/3 số người được hỏi không đánh giá các nỗ lực đó của chính phủ là “hiệu quả hay không hiệu quả” hoặc trả lời không biết.

BIỂU ĐỒ 12

Đánh giá về hiệu quả của các chính sách PCTN theo giới và theo trình độ học vấn



Nhìn chung, phụ nữ có thái độ phê phán hơn so với nam giới, với cán cân tổng thể ý kiến là âm (-) 1%, so với dương (+) 5% ở nam giới. Kết quả này tương ứng với kết quả ở phần trước của báo cáo này, rằng phụ nữ nhìn chung ít linh hoạt hơn khi áp dụng các quy tắc đạo đức và các nguyên tắc về liêm chính.

Các cư dân đô thị Việt Nam ở nhóm tuổi 31-40 một lần nữa lại tỏ ra tiêu cực nhất về tham nhũng, với cán cân ý kiến là âm (-) 6%, và điều này có thể xuất phát từ thực tế là nhóm tuổi này thường trải nghiệm tham nhũng nhiều nhất. Các nhóm tuổi khác có thái độ tích cực hơn trong đó thanh niên dưới 30 tuổi có vẻ lạc quan hơn cả, với cán cân ý kiến là dương (+) 5%.

Đối tượng được hỏi với trình độ học vấn trung học là cao nhất là những người có thái độ phê phán nhất đối với tham nhũng (với cán cân ý kiến là âm (-) 7%) trong khi những người có học vấn cao hơn (ví dụ trình độ đại học) (có cán cân ý kiến là dương (+) 4%) và những người thất học hoặc chỉ học hết tiểu học (dương (+) 16%) lại có thái độ tích cực hơn. Những khác biệt này có thể là do ảnh hưởng tương đối của tham nhũng đối với tầng lớp trung lưu thấp ở đô thị. Nếu như có tồn tại mối tương quan giữa trình độ học vấn và tình trạng kinh tế, thì những người được hỏi có học vấn cao hơn cũng có khả năng bị đòi hỏi cao hơn. Tuy nhiên, đối với những người có học vấn cao nhất, tham nhũng có lẽ tác động ít hơn tới cuộc sống hàng ngày của họ vì với địa vị cao hơn, họ có đủ khả năng tài chính để

đưa hối lộ hơn. Bên cạnh đó, những người có học vấn thấp hơn thường ít bị đòi hỏi hối lộ hơn, vì họ có ít tiền hơn và có xu hướng tìm cách né tránh tiếp xúc với các dịch vụ công. Cũng có thể họ ít có thái độ phê phán hơn đối với tham nhũng vì họ coi tham nhũng là cách giải quyết công việc bình thường và hệ quả là họ cho rằng những kết quả đã đạt được trong PCTN là hạn chế hơn so với các đối tượng khác.

Cho đến nay, đối tượng hưu trí nhìn nhận tham nhũng tiêu cực hơn so với các đối tượng khác, với cán cân ý kiến là âm (-) 16%. Kết quả này có vẻ phù hợp với thực tế quan sát được ở Việt Nam trong vài năm qua, đó là số lượng đơn khiếu nại về tham nhũng ngày càng tăng từ những người đã về hưu.

Ở Hà Nội, người dân có cái nhìn bi quan nhất về tham nhũng với cán cân ý kiến thiên hướng tiêu cực là âm (-) 34%. Kết quả khảo sát ở thành phố Hồ Chí Minh khả quan hơn mức trung bình, với dương (+) 10%, tương tự là Hải Phòng với dương (+) 16% và Đà Nẵng với dương (+) 26%. Cán cân ý kiến đặc biệt tích cực là ở thành phố Cần Thơ với dương (+) 57%.

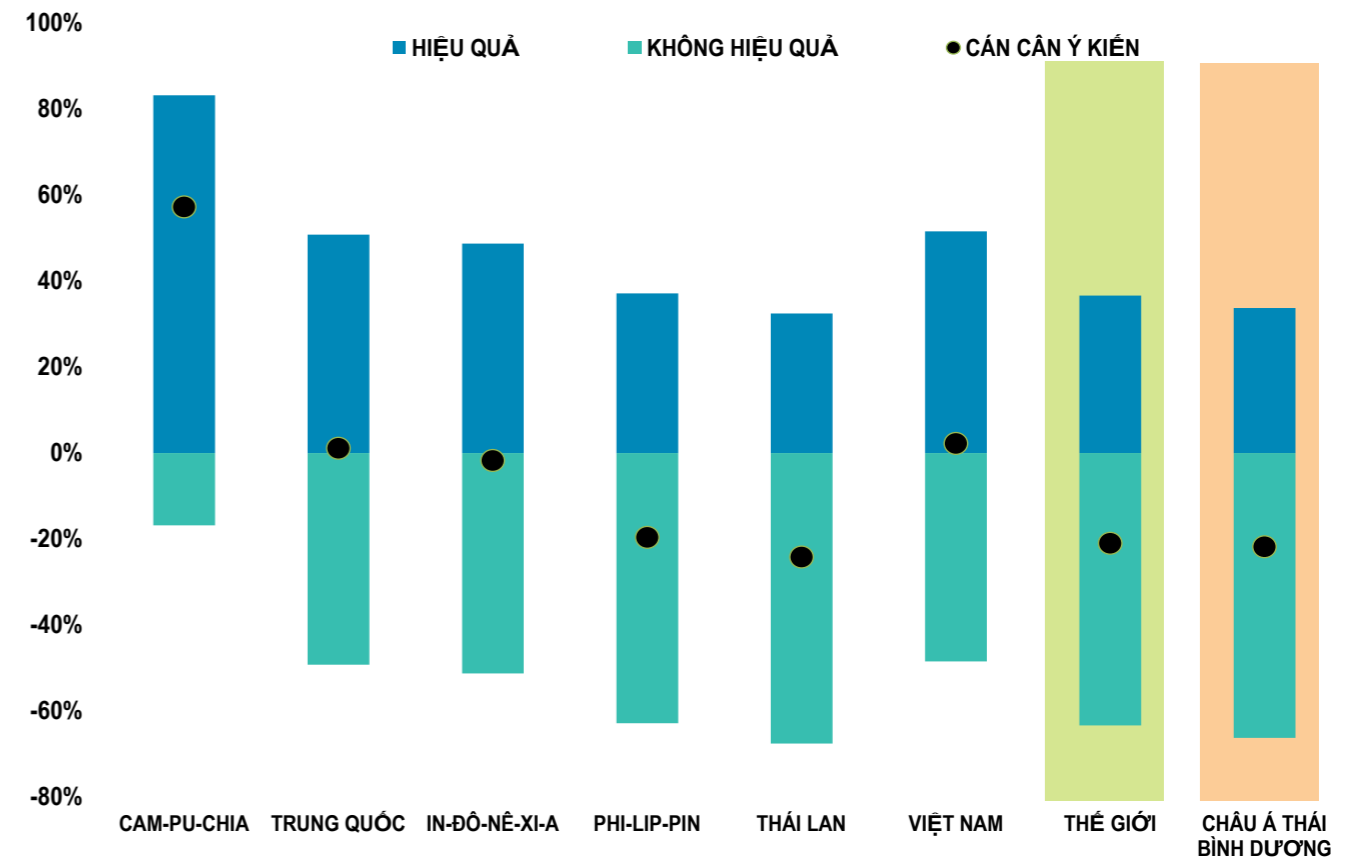
Các tín đồ Phật giáo (+ 12%) và Thiên chúa giáo (+ 19%) đánh giá tích cực hơn về những nỗ lực phòng chống tham nhũng của Chính phủ so với những người không theo tôn giáo nào và các nhóm tôn giáo khác.

3.2 SO SÁNH NHỮNG ĐÁNH GIÁ VỀ NỖ LỰC PCTN CỦA CHÍNH PHỦ VỚI CÁC NƯỚC LÂN CẬN

Khi so sánh những kết quả khảo sát ở Việt Nam với các nước lân cận (xem biểu đồ 13), có thể thấy những nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong PCTN được đánh giá khá tốt so với hầu hết các nước khác, và tương đương với mức độ đánh giá của người dân Trung quốc về những nỗ lực PCTN của Chính phủ Trung Quốc. Đất nước duy nhất mà người dân đánh giá nỗ lực phòng, chống tham nhũng của Chính phủ hiệu quả hơn so với Việt Nam là Cam-pu-chia.

BIỂU ĐỒ 13

Đánh giá những nỗ lực chống tham nhũng hiện nay của Chính phủ một số nước



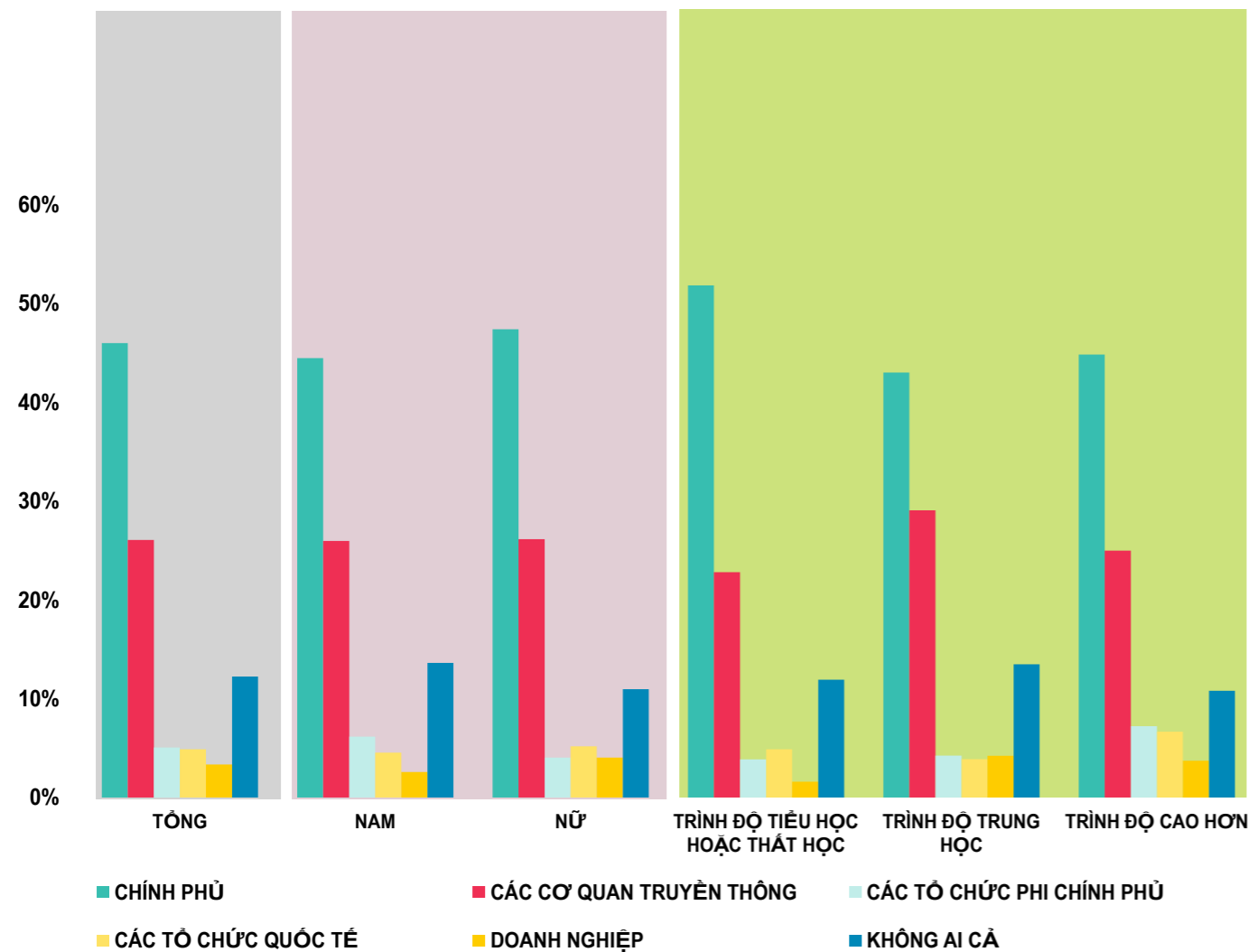
3.3 MỨC ĐỘ TIN TƯỞNG VÀO CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC PCTN

Mặc dù có đánh giá khá cân bằng về những nỗ lực PCTN của Chính phủ, kết quả khảo sát cũng cho thấy Chính phủ là thiết chế được tin tưởng nhất trong cuộc chiến chống tham nhũng trong số những thiết chế được khảo sát. 46,5% cư dân đô thị Việt Nam đặt niềm tin lớn nhất vào các lãnh đạo Chính phủ trong việc đạt được kết quả trong PCTN (xem Biểu đồ 14). Báo chí là cơ quan thứ hai sau Chính phủ được người dân tin tưởng (với 26,1%). Vài người được hỏi chọn doanh nghiệp và khu vực kinh tế tư nhân, các tổ chức phi chính phủ hay các tổ chức quốc tế là tổ chức mà họ tin tưởng nhất.

Có 12% người được hỏi trả lời rằng họ không tin tưởng ai trong cuộc chiến chống tham nhũng. Điều này phản ánh rõ ràng thái độ bi quan và hoài nghi của một bộ phận không nhỏ cư dân đô thị Việt Nam khi đề cập tới hiệu quả của các nỗ lực PCTN.

BIỂU ĐỒ 14

Nhân tố chống tham nhũng được tin tưởng nhất, theo giới tính và trình độ học vấn



Tuy nhiên, có hai điểm cần nhấn mạnh. Thứ nhất, vì câu hỏi chỉ hỏi người dân về thiết chế được tin tưởng nhất, nên kết quả thu được không có nghĩa là các thiết chế ít được chọn hơn là những thiết chế không hề được người dân tin tưởng. Thứ hai, kết quả trả lời cũng đặt ra vấn đề là liệu các tổ chức phi chính phủ có thể có “môi trường” để tham gia PCTN hay không.

Số người được hỏi ở độ tuổi dưới 40 có xu hướng coi Chính phủ là cơ quan đáng tin cậy nhất trong PCTN (40-42%), ít hơn so với những người ở độ tuổi từ 41-50 (54%). Bên cạnh đó, nhóm trẻ tuổi hơn tin tưởng vào báo chí nhiều hơn.

Số người có thu nhập thấp đặt niềm tin vào lãnh đạo Chính phủ (55%), cao hơn so với nhóm người có thu nhập cao (39%)—nhóm thu nhập cao đặt niềm tin vào báo chí cao hơn (39% so với 24%). Như vậy, có thể thấy mức độ tin tưởng của nhóm người có thu nhập cao vào hiệu quả của báo chí và Chính phủ trong PCTN là như nhau. Kết quả này rõ ràng một lần nữa phản ánh ý kiến chung của người dân về hiệu quả hoạt động của Chính phủ mà các cơ quan truyền thông đô thị đã đưa tin.

Bên cạnh đó, số người được hỏi đã tốt nghiệp trung học hoặc đại học tin rằng Chính phủ là cơ quan chống tham nhũng hiệu quả nhất ít hơn so với những người chỉ có trình độ văn hóa sơ cấp (43-45% so với 52%).

Tương tự với những kết quả trước, nhóm hưu trí cũng có vẻ ít đặt niềm tin vào Chính phủ hơn so với mức trung bình cả nước (41% so với 46%).

Số người dân Hà Nội đặt niềm tin vào Chính phủ thấp hơn nhiều (38%) so với số người dân thành phố Hồ Chí Minh (49%). Số người dân miền Bắc cũng đặt niềm tin vào Chính phủ thấp hơn số người dân miền Trung và miền Nam. Cũng cần chỉ ra rằng 17% số người được hỏi ở Hà Nội trả lời rằng họ không tin bất kỳ ai, so với tỷ lệ trung bình cả nước là 12%.

Một lần nữa, người dân Cần Thơ có thái độ tích cực nhất đối với lãnh đạo Chính phủ, với 61% số người được phỏng vấn đặt niềm tin cao nhất vào Chính phủ. Ở Đà Nẵng, người dân có vẻ rất tin tưởng vào báo chí trong PCTN (38%).

3.4 SO SÁNH MỨC ĐỘ TIN TƯỞNG VÀO NỖ LỰC PCTN CỦA CHÍNH PHỦ VỚI CÁC NƯỚC LÂN CẬN

So với các nước trong khu vực và trên thế giới, mức độ tin tưởng của cư dân đô thị Việt Nam vào Chính phủ như một thiết chế PCTN hiệu quả cao hơn hẳn so với mức trung bình của khu vực và thế giới (46% ở Việt Nam so với 17% ở các nước trong khu vực) (Bảng 2). Trong khi đó, báo chí ít được người dân Việt Nam tin tưởng là có vai trò quan trọng trong PCTN hơn so với mức trung bình trong khu vực. Số người được hỏi ở Việt Nam cũng tỏ ra ít hoài nghi hơn (12% không tin tưởng bất kỳ ai, so với mức trung bình trong khu vực là 26% và trên thế giới là 25%). Kết quả này cho thấy những cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam vẫn ở vị thế rất thuận lợi để thúc đẩy hơn các nỗ lực PCTN vì họ vẫn nhận được niềm tin mạnh mẽ từ dân chúng.

BẢNG 2
Người dân tin tưởng ai nhất trong PCTN?

	Đội ngũ lãnh đạo chính phủ	Báo chí	Doanh nghiệp/Khu vực tư	Tổ chức phi chính phủ	Tổ chức quốc tế	Không ai cả
Việt Nam	46 %	26 %	3 %	5 %	5 %	12 %
Châu Á - Thái Bình Dương	17 %	34 %	10 %	10 %	3 %	26 %
Thế giới	22 %	25 %	11 %	9 %	8 %	25 %

3.5 VAI TRÒ CỦA NGƯỜI DÂN TRONG PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG (PCTN)

Cư dân đô thị Việt Nam tin tưởng mạnh mẽ rằng mỗi người dân bình thường đều có thể góp phần vào công cuộc PCTN, với 67% số người được hỏi tán thành hoặc hoàn toàn tán thành ý kiến này. Hơn 95% số người được hỏi sẵn sàng giúp đỡ một đồng nghiệp hay bạn bè trong chống tham nhũng. 80% hình dung họ có thể tham gia chống tham nhũng. 66% nói họ sẽ tố cáo tham nhũng. Thái độ sẵn sàng tham gia tích cực hơn vào PCTN của cư dân đô thị Việt Nam đã được thể hiện rõ trong Phân tích quan điểm và trải nghiệm về tham nhũng của cư dân đô thị Việt Nam 2010. Điều này có thể phản ánh một thực tế rằng người dân đã nhận thấy thực trạng tham nhũng ở trong nước ngày càng xấu đi, rằng đánh giá về hiệu quả của những nỗ lực PCTN hiện nay rất đa dạng, và rằng họ muốn hành động nhiều hơn để giải quyết vấn nạn này. Điều này đồng thời cũng phản ánh tích cực những nỗ lực của Chính phủ trong việc tạo điều kiện cho xã hội tham gia tích cực hơn vào PCTN.

Tuy nhiên, trái với với tỉ lệ cao người dân tự nguyện giúp đỡ một đồng nghiệp hay tự nguyện tham gia PCTN, chỉ có 66% số người được hỏi nói họ sẽ thực sự tố cáo tham nhũng, và điều này cũng cho thấy yêu cầu cấp bách về bảo vệ người tố cáo.

Phụ nữ tỏ ra tin tưởng hơn một chút vào khả năng đóng góp của họ vào PCTN (69% so với 65% nam giới). Tuy nhiên, nam giới lại sẵn sàng hơn trong việc giúp đỡ bạn bè/đồng nghiệp hay tự mình tham gia chống tham nhũng, với 68% nam giới sẵn sàng tố cáo hành vi tham nhũng (so

với 64% phụ nữ). Những người dưới 30 tuổi khi được hỏi tỏ ra sẵn sàng tố cáo tham nhũng (71%) - một tỉ lệ cao hơn những người ở độ tuổi 31-40 (60%), khẳng định ý thức tự nguyện cao của thanh niên Việt Nam trong việc tham gia tích cực hơn vào những nỗ lực PCTN.²²

3.6 SO SÁNH MỨC ĐỘ SẴN SÀNG THAM GIA PCTN CỦA NGƯỜI DÂN VIỆT NAM VỚI CÁC NƯỚC LÂN CẬN

So sánh với các nước trong khu vực và trên thế giới, mức độ sẵn sàng hành động của cư dân đô thị Việt Nam thể hiện rất rõ, ngoại trừ tố cáo một vụ việc tham nhũng (Bảng 3). Những khác biệt lớn này trong kết quả khảo sát cho thấy một bức tranh đầy đủ và trái chiều về công dân đô thị Việt Nam: họ cảm nhận về tham nhũng tích cực hơn nhưng lại có những trải nghiệm tiêu cực hơn, họ đánh giá những nỗ lực chống tham nhũng của Chính phủ một cách cân bằng nhưng thiên hơn về hướng tích cực và có thái độ sẵn sàng tham gia PCTN hơn.

BẢNG 3
Quan điểm của người dân ở Việt Nam và nước ngoài về việc tham gia PCTN

	Người bình thường có thể tạo nên sự thay đổi	Giúp đỡ đồng nghiệp và bạn bè	Sẵn sàng tham gia	Tố cáo vụ việc tham nhũng
Việt Nam	67 %	95 %	80 %	66 %
Châu Á - Thái Bình Dương	62 %	60 %	31 %	67 %
Thế giới	69 %	71 %	49 %	71 %

PHÂN TÍCH TỔNG HỢP VỀ THAM NHỮNG Ở VIỆT NAM

Để điều tra sâu hơn về những động lực chính của tham nhũng và chống tham nhũng, một số mô hình kinh tế lượng được áp dụng đối với các hiện tượng khác nhau đã được đưa vào xem xét trong nghiên cứu này. Để có một cái nhìn tổng thể về tham nhũng ở Việt Nam, cần tìm hiểu sâu hơn những mối tương quan vô điều kiện đã được đề cập trong những phần trước của báo cáo (xem Phụ lục 1 để biết thêm chi tiết về phương pháp luận). Bốn mô hình, tương ứng với bốn tiêu chí khác nhau của Phong vũ biểu Tham nhũng Toàn cầu 2010 đã được đánh giá: Cảm nhận về tham nhũng (thay đổi trong cảm nhận qua 3 năm 2007-2010 và mức độ cảm nhận về tham nhũng hiện nay; tương ứng với mô hình 1 và 2), trải nghiệm về tham nhũng (mô hình 3) và mức độ sẵn sàng tham gia chống tham nhũng (mô hình 4).

Những mô hình kinh tế lượng này cho thấy thanh niên có thái độ phê phán về mức độ và sự phát triển của tham nhũng nhiều hơn đáng kể so với những đối tượng khác (xem Bảng 4 trong Phụ lục 1). Giới tính, thu nhập và trình độ học vấn không phải là yếu tố quan trọng khi so sánh với sự chi phối của những yếu tố khác. Những người phải đưa hối lộ thường có thái độ tiêu cực hơn. Thêm vào đó, những người sử dụng dịch vụ công (những người có tiếp xúc với những lĩnh vực dịch vụ được nêu) cũng có thái độ phê phán hơn, dù họ có phải đối mặt với tham nhũng hay không. Kết quả này có nghĩa là khu vực dịch vụ công được cho là bị ảnh hưởng bởi tham nhũng nhiều tới mức mọi người dân Việt Nam, ngay cả những người không trực tiếp tham gia vào những giao dịch có tham nhũng, cũng cảm nhận thấy.

Về trải nghiệm tham nhũng, độ tuổi là một yếu tố quan trọng. Càng lớn tuổi người ta càng ít có khả năng gặp phải tham nhũng. Điều này đúng nhất với những người về hưu. Như đã lưu ý ở trên, phụ nữ ít bị ảnh hưởng bởi tham nhũng hơn (nhưng hệ số khác biệt ở những mức tiêu chuẩn là không đáng kể). Trong khi trình độ học vấn dường như không đóng vai trò gì thì mức thu nhập lại có mối liên hệ với tỉ lệ trải nghiệm tham nhũng, theo đó mức trải

nghiệm tham nhũng tỉ lệ thuận với mức thu nhập (đặc biệt đối với những người có thu nhập ở mức trung bình khá). Theo những dữ liệu thu được, khó có thể tách bạch hai lý do cho hiện tượng này: Những người giàu hơn có thể bị những công chức tham nhũng nhắm đến vì họ có khả năng chi trả các khoản hối lộ cao hơn; hoặc quyền hành cao cho phép họ đưa hối lộ thường xuyên hơn mà không ảnh hưởng đến mức sống của họ. Địa phương cư trú cũng là một yếu tố quan trọng khi xét đến mức độ trải nghiệm tham nhũng. Cho đến nay, Hà Nội có mức độ tham nhũng cao nhất trong số 5 thành phố được khảo sát, điều này có thể lý giải tại sao người Hà Nội lại khá bi quan về mức độ tham nhũng và cảm nhận về tham nhũng. Cũng không có gì ngạc nhiên là khi người dân càng tiếp xúc nhiều với dịch vụ công, khả năng họ phải đối mặt với tham nhũng càng lớn.

Cuối cùng, những yếu tố liên quan tới thái độ sẵn sàng tham gia PCTN là trình độ học vấn và mức thu nhập. Những người nghèo và có học vấn thấp thường thận trọng hơn, có lẽ do thiếu hiểu biết hoặc do họ thấy quá mạo hiểm, vì họ thiếu kiến thức và những mối quan hệ xã hội để bảo vệ mình. Phụ nữ cũng có những lý do tương tự như vậy. Trong mọi trường hợp, các chương trình giáo dục có thể đóng vai trò là công cụ hỗ trợ những nỗ lực PCTN. Cũng như những người già, thanh niên cũng nhiệt tình tham gia vào công cuộc PCTN, và đây là tín hiệu tốt để xây dựng các liên minh PCTN. Những tín đồ Thiên chúa giáo và Phật giáo tỏ ra sẵn sàng tham gia công cuộc PCTN hơn, cũng như người dân ở Đà Nẵng. Những tương tác với khu vực dịch vụ công có tác động trái chiều đối với các cam kết PCTN. Trong khi người sử dụng dịch vụ rất muốn tạo ra sự thay đổi, những người đã trải nghiệm tham nhũng lại đặc biệt không muốn, và điều này có thể được giải thích là những trải nghiệm của bản thân họ đã khiến họ ngày càng không rõ liệu những đóng góp của họ có thể tạo ra sự thay đổi hay không.

Để phân tích sâu hơn và tránh được những nhược điểm của những mô hình này (ví dụ như “sai số lựa chọn mẫu” - trường hợp những người cố ý tránh né tiếp xúc với một số dịch vụ công nào đó để tránh gặp phải tham nhũng không

được thể hiện đầy đủ trong các kết quả khảo sát), “mô hình lựa chọn Heckman” đã được sử dụng để giúp nhận biết tốt hơn ngành nào bị ảnh hưởng bởi tham nhũng nhất (xem Phụ lục 1 để biết thêm chi tiết về phương pháp luận).

Những bằng chứng từ mô hình này cho thấy nhiều kết quả thú vị (xem Bảng 5 trong Phụ lục 1). Tần suất tiếp xúc được biểu diễn bằng một đường cong lõm theo độ tuổi: đầu tiên số lượng tiếp xúc tăng lên theo tuổi tới một điểm nhất định, sau đó giảm, tương thích với vòng đời xã hội của con người. Đặc điểm này được khẳng định bởi một thực tế rằng những người có công ăn việc làm thường phải tiếp xúc nhiều với các dịch vụ công hơn những người không có việc làm. Trong khi giới tính không có ảnh hưởng gì đến tần

suất người dân tiếp xúc với khu vực công, những người có thu nhập và trình độ học vấn cao hơn lại có khả năng phải tiếp xúc với khu vực công nhiều hơn, tương tự như những người được hỏi theo đạo Thiên chúa và những người theo “những tôn giáo khác.” Người dân ở tất cả các thành phố (trừ Cần Thơ) cũng thường sử dụng dịch vụ công nhiều hơn người dân Hà Nội. Những dịch vụ y tế, giáo dục và tiện ích khác (điện, nước...) là những dịch vụ được sử dụng nhiều nhất. Ngược lại, những dịch vụ quản lý thuế, hải quan và tư pháp là những dịch vụ ít được sử dụng hơn.

KẾT LUẬN: THỜI ĐIỂM QUYẾT ĐỊNH CHO CÔNG TÁC PCTN?

Thông điệp đầu tiên từ Phong vũ biểu Tham nhũng Việt Nam 2010 là số đông (62%) người dân đô thị Việt Nam cảm nhận tham nhũng tăng lên trong vòng 3 năm qua. Việt Nam cũng là một trong những nước ở khu vực châu Á nơi mà cảm nhận của người dân về tình trạng tham nhũng xấu đi một cách rõ rệt.

Tuy nhiên, so với người dân ở các nước lân cận được khảo sát, cư dân đô thị Việt Nam cũng thừa nhận nhiều hơn rằng Chính phủ Việt Nam đã và đang nỗ lực rất nhiều để PCTN, mặc dù chỉ khoảng một nửa trong số họ cho rằng những nỗ lực này có hiệu quả. Như vậy, câu hỏi đặt ra là làm thế nào để những nỗ lực PCTN này có hiệu quả hơn?

Bên cạnh đó, người dân đô thị Việt Nam có những đánh giá rất khác nhau về mức độ liên chính của các ngành và các thiết chế khác nhau, trong đó cảnh sát, giáo dục và công chức khu vực hành chính công bị coi là tham nhũng nhiều nhất. Tuy nhiên, so với các nước lân cận, những công dân Việt Nam được hỏi nhận thấy có ít tham nhũng theo ngành hơn. Nói cách khác, so với người dân các nước khác, họ có đánh giá tốt hơn về các thiết chế được khảo sát và cũng tin tưởng vào các thiết chế này hơn. Người dân coi Chính phủ và báo chí là những lực lượng chính cần đi đầu trong những nỗ lực PCTN. Sự tin tưởng vào những thiết chế chính trị truyền thống trong cuộc chiến chống tham nhũng ở Việt Nam vẫn còn khá vững chắc. Và điều đó cũng có nghĩa là những thiết chế này cần phải chủ động và tích cực hơn nữa trong các nỗ lực PCTN. Thêm vào đó, cư dân đô thị Việt Nam và công dân nói chung cũng thể hiện rõ thái độ sẵn sàng tham gia tích cực hơn vào PCTN. So với các nước trong khu vực, cư dân đô thị Việt Nam nằm trong số những người sẵn sàng tham gia PCTN nhất.

Tuy nhiên có một nghịch lý là mặc dù có những cảm nhận tích cực, trong thực tế cư dân đô thị Việt Nam lại có mức độ trải nghiệm tham nhũng khá cao - cao hơn so với các nước lân cận. Những công dân Việt Nam được khảo sát thường xuyên hối lộ hơn, đặc biệt cho cảnh sát, các cán bộ, nhân viên ngành giáo dục, y tế, hải quan và các cơ quan quản lý đất đai.

Lý do chính để đưa hối lộ ở các đô thị của Việt Nam khá rõ ràng. Lý do thường thấy nhất là để giải quyết công việc

nhanh hơn – trong khi ở những nước khác, những lý do chính để đưa hối lộ là để nhận được những dịch vụ mà theo qui định họ phải được hưởng hoặc để tránh rắc rối với chính quyền. Sự thiếu kiên nhẫn mang gốc rễ văn hóa - xã hội của cư dân đô thị Việt Nam có thể gián tiếp chỉ ra nguyên nhân chính (và giải pháp) của tình trạng tham nhũng vật ở Việt Nam. Trong khi đó, cũng rất cần phải có phân tích sâu hơn để xem điều gì sẽ xảy ra nếu người dân không đưa hối lộ và mức độ người dân né tránh tiếp xúc với các cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ công như thế nào và để tìm hiểu rõ hơn những lý do khác dẫn đến việc đưa hối lộ.

Cũng có những sự khác biệt khá rõ giữa các tầng lớp và nhóm dân cư. Nhìn chung, cảm nhận và trải nghiệm về tham nhũng xấu hơn ở hai thành phố Hà Nội và Hải Phòng, dẫn tới người dân ở đây kém tin tưởng hơn vào những nỗ lực chống tham nhũng của Chính phủ. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy phụ nữ, nhóm người có học vấn và nhóm hưu trí có thái độ phê phán hơn đối với tham nhũng. Nhóm tuổi có lẽ chịu tác động của tham nhũng nhiều nhất là từ 31-40. Ngoài ra, một bộ phận nhỏ người dân Việt Nam có vẻ không thực sự tin tưởng vào bất kỳ cơ quan, tổ chức nào trong PCTN và có cái nhìn khá u ám về thực trạng tham nhũng ở các đô thị Việt Nam.

Từ những kết quả khảo sát của Phong vũ biểu Tham nhũng Việt Nam 2010, có vẻ như đây là thời điểm mang tính quyết định cho những nỗ lực PCTN của Việt Nam. Trong khi cảm nhận của người dân về những nỗ lực PCTN của các thiết chế chủ chốt ở Việt Nam khá tích cực, thì những trải nghiệm thực tế và những đánh giá chung của họ về tình trạng tham nhũng lại theo chiều hướng xấu, và điều này cho thấy các thiết chế công được tin tưởng nhất có thể và cần đóng vai trò lớn hơn trong công tác PCTN. Để đạt được những thay đổi tích cực, các nỗ lực PCTN cần tập trung vào những ngành được người dân nhìn nhận và/hoặc được trải nghiệm là có tỉ lệ tham nhũng cao nhất. Đồng thời, cần tạo điều kiện cho những thiết chế ngoài Chính phủ và người dân tham gia nhiều hơn vào công tác PCTN. Điều này cũng đặt ra một yêu cầu cấp bách về những giải pháp cụ thể như hoàn thiện khung pháp lý, ban hành và thực thi các quy định về tiếp cận thông tin và bảo vệ người tố cáo.

CHÚ THÍCH

1. Khảo sát này được hỗ trợ bởi Cơ quan Phát triển Quốc tế Thụy Điển (SIDA) và được gọi là “Khảo sát chẩn đoán.” Những ngành có nguy cơ cao về tham nhũng được xác định là: quản lý đất đai, hải quan, cảnh sát giao thông, thuế, xây dựng và cấp giấy phép, v.v...

2. Có thể truy cập vào địa chỉ: http://www.transparency.org/policy_research/nis/nis_reports_by_country

3. Đặng Giang, Nguyễn Thị Kiều Viễn, Nguyễn Thúy Hằng, Mireille Razafindrakoto, Francois Roubaud và Matthieu Salomon, Liêm chính trong Thanh niên Việt Nam (Youth Integrity in Vietnam) (Transparency International: Hanoi, 2011).

4. CECODES và Đại sứ quán Phần Lan, Phòng chống Tham nhũng ở Việt Nam: “PCTN – đánh giá hiện trạng và xây dựng năng lực PCTN cho các tổ chức xã hội dân sự và cộng đồng nông thôn” (Hà Nội, tháng 11, 2008); M. Gainsborough, Đặng Ngọc Đình và Trần Thanh Phương, Tham nhũng, Cải cách và Phát triển: Thách thức và Cơ hội, Nghiên cứu của UNDP (UNDP: Hanoi, 2009); Ngân hàng thế giới (World Bank), Báo cáo phát triển của Việt Nam 2010: Những thiết chế hiện đại (World Bank, DANIDA và Thụy Điển: Hanoi, 2010). Xem thêm tại website của UNDP/CECODES/Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: PAPI (Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh): <http://www.papi.vn/node/93>.

5. Đây cũng là lời cảm ơn đối với sự hỗ trợ tài chính của Bộ Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh (DFID), Đại sứ quán Phần Lan tại Hà Nội, Cơ quan Viện trợ Phát triển Ailen (IrishAID) và Đại sứ quán Thụy Điển tại Hà Nội, thông qua Chương trình TI Việt Nam. Việt Nam đã phần nào được đề cập đến trong hai Báo cáo Phong vũ biểu Tham nhũng Toàn cầu 2004 và 2007. Khảo sát năm 2004 chỉ đưa ra một câu hỏi đối với 300 người sống ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; tuy vậy câu hỏi liên quan tới những vấn đề mà người dân cảm nhận là những vấn đề xã hội lớn nhất mang tính quốc gia (câu hỏi 1) và không đề cập cụ thể tới “tham nhũng.” Năm 2007, 600 người dân đô thị ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Cần Thơ đã được khảo sát. Họ được hỏi 3 trong số 7 câu hỏi nêu trong bảng hỏi dùng cho Phong vũ biểu Tham nhũng toàn cầu 2007 (câu hỏi 5, 6 và 7), bao gồm những câu hỏi về cảm nhận và trải nghiệm về tham nhũng, trong các thiết chế chủ chốt, các nguồn thông tin và dịch vụ cung cấp nước. Lý do chính mà Việt Nam không được

đưa vào danh sách các nước khảo sát hoặc chưa được đề cập một cách toàn diện trong những báo cáo GCB trước đây là do nguồn kinh phí của TI còn hạn chế khi tiến hành khảo sát toàn cầu này: các nước nơi Văn phòng Quốc gia của TI đã được thành lập và hoạt động một thời gian dài được ưu tiên hơn so với những nước khác. Sự nhạy cảm của những câu hỏi và bối cảnh xã hội của mỗi nước liên quan tới tham nhũng và chống tham nhũng cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến khả năng nước đó có được đưa vào khảo sát hay không.

6. Cán cân ý kiến là sự khác biệt ý kiến giữa những người tin rằng tham nhũng đã giảm (“nhiều” hay “ít”) với những người tin rằng tham nhũng đang tăng lên (“nhiều” hay “ít”). Việc tính toán cán cân ý kiến cho phép đánh giá tổng hợp kết quả chung vì nó giúp đưa ra được một cái nhìn cân bằng hơn về những câu trả lời (tích cực và tiêu cực).

7. Phân tích ở đây, cũng như trong các phần còn lại của báo cáo, không nhằm đạt tới sự toàn diện. Báo cáo trình bày các kết quả khảo sát nổi bật nhất, và để thể hiện hết sự phong phú trong thông tin của Phong vũ biểu cần có một bản báo cáo chi tiết hơn.

8. Kết quả này phù hợp với với những tư liệu quốc tế về vấn đề này và chỉ ra một cách có hệ thống rằng phụ nữ có thái độ phê phán và chống tham nhũng hơn so nam giới. Ví dụ, xem thêm “Phụ nữ có thực sự “công bằng” hơn? Tham nhũng và phụ nữ trong Chính phủ” của D. Dollar, R. Fishman, và R. Gatti, “Journal of Economic Behaviour & Organization 46(4) (2011)”, trang 423-429.

9. Ví dụ, trong Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (Vietnam Provincial Governance and Public Performance Perception Index (PAPI) năm 2010, 12 trong số 15 tỉnh hiệu quả nhất trong việc “kiềm chế tham nhũng” (tiêu chí số 4) là các tỉnh miền Nam. Trong chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2010, trong số 63 tỉnh, thành, Đà Nẵng xếp thứ nhất, Cần Thơ thứ 13, thành phố Hồ Chí Minh thứ 23, Hà Nội thứ 43 và Hải Phòng thứ 48; có thể truy cập báo cáo này tại địa chỉ <http://www.pcvietnam.org/>. Xem thêm: (CECODES, VFF & UNDP, Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI). Đo lường trải nghiệm của người dân về tham nhũng (Hà Nội, 2010); USAID/VNCCI, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2010: Tăng cường quản lý kinh tế với các nhà

PHỤ LỤC 1: PHƯƠNG PHÁP LUẬN VỀ NHỮNG MÔ HÌNH KINH TẾ LƯỢNG ĐÃ ĐƯỢC SỬ DỤNG

đầu tư trong nước và nước ngoài, USAID/VNCI Policy Paper #15 (Hà Nội, March 2011); J-P Cling, Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Hữu Chí, Phan Thị Ngọc Trâm, M. Razafindrakoto và F. Roubaud, *The Informal Sector in Vietnam: A focus on Hanoi and Ho Chi Minh City* (Khu vực kinh tế không chính thức ở Việt Nam: Tiêu điểm Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh), NXB Thế giới (Hanoi, 2010); Giang và các tác giả khác (2011)).

10. Điều này dường như đã được khẳng định trong một nghiên cứu về những khoản chi phí không chính thức trong dịch vụ y tế ở Việt Nam. Nghiên cứu này chỉ ra rằng những khoản chi phí này được cho là đã tồn tại trong ngành y tế từ trước năm 1986. Nghiên cứu cho thấy chi phí không chính thức trở nên phổ biến sau khi có chính sách Đổi Mới năm 1986 và tăng nhanh từ sau năm 2000. Để có thêm thông tin, xem nghiên cứu *Quality Healthcare System: A qualitative study on the causes, perceptions and impact of informal payments in health services in Vietnam* (Về một nền Y tế Minh bạch và Chất lượng: Nghiên cứu định tính về căn nguyên, vai trò và ảnh hưởng của các khoản chi phí không chính thức trong dịch vụ y tế ở Việt Nam, (2011), trang 20-22, do Đại học Boston, Trung tâm Nghiên cứu, Đào tạo và Phát triển Cộng đồng (RTCCD), Tổ chức Hướng tới Minh bạch và Tổ chức Minh bạch Quốc tế phối hợp thực hiện.

11. Để phục vụ cho việc so sánh ở cấp độ quốc tế, danh mục các ngành được khảo sát trong Phong vũ biểu Tham nhũng Toàn cầu là danh mục áp dụng chung cho tất cả các nước, mặc dù chưa thực sự đầy đủ. Đối với Việt Nam, một số ngành như quản lý đất đai - đứng đầu trong số các ngành có nhiều khiếu nại, tố cáo của công dân, hay y tế - được xác định là ngành đặc biệt nhạy cảm với tham nhũng, chưa được đưa vào. Tương tự với một số ngành khác được cho là nhạy cảm với tham nhũng như thuế và hải quan.

12. Kết quả khảo sát này cho thấy có thể thực hiện những phân tích sâu hơn về các loại và hình thức tham nhũng trong ngành cảnh sát và an ninh.

13. Kết quả khảo sát này phù hợp với nghiên cứu được trình bày trong khuôn khổ Đối thoại PCTN lần thứ 7 (TI và TT, 2011).

14. Đáng tiếc là những ngành này không được đưa vào khảo sát Phong vũ biểu Tham nhũng 2007 (có lẽ do bị coi là nhạy cảm vào thời điểm đó), nên không thể đánh giá những thay đổi

trong cảm nhận của người dân về tham nhũng trong những lĩnh vực này. Hy vọng, khảo sát Phong vũ biểu năm 2012 sẽ đánh giá một cách có hệ thống hơn sự thay đổi trong cảm nhận về tham nhũng trong các ngành, lĩnh vực ở Việt Nam.

15. Razafindrakoto, M. và Roubaud, F. "Are international databases on corruption reliable? A comparison of expert opinions surveys and household surveys in sub-saharan Africa" (Những cơ sở dữ liệu quốc tế về tham nhũng có đáng tin cậy? So sánh các cuộc khảo sát ý kiến của các chuyên gia và người dân vùng Hạ Sahara, châu Phi) *World Development*, 38(8) (tháng 8. 2010), trang 1057-1069.

16. Xem câu hỏi 3 trong phụ lục 1. Từ những câu hỏi này, có thể tính toán được hai chỉ số về tỉ lệ xảy ra tham nhũng, với những ưu điểm và nhược điểm riêng: Thứ nhất, tỷ lệ phần trăm người dân đã hối lộ trên tổng số dân cư; thứ hai, tỷ lệ người dân đưa hối lộ trong số những người có tiếp xúc với những dịch vụ được nêu (tỉ lệ tham nhũng trên số người sử dụng dịch vụ).

17. World Bank (2010).

18. Cần phải chỉ rõ rằng những kết quả khảo sát về tỉ lệ tham nhũng này không nên được hiểu như là những đánh giá tổng thể về "chất lượng" của những dịch vụ trên: Một vài ngành có xảy ra tham nhũng cũng có thể đồng thời có chất lượng dịch vụ tốt.

19. Xem thêm: Dollar et al. (2001); Swamy et al., 2001; Gatti et al., 2003; Lavallée và các tác giả khác (2010).

20. Để biết thêm chi tiết về phương pháp luận và các báo cáo về chỉ số CPI, xem: http://www.transparency.org/policy_research/surveys_indices/cpi/2010/in_detail#4

21. Đặng Giang và các tác giả khác (2011).

Bốn mô hình được đánh giá lần đầu tiên, tương ứng với bốn tiêu chí của Phong vũ biểu tham nhũng toàn cầu 2010:

- Cảm nhận về tham nhũng (những thay đổi trong vòng 3 năm qua và mức độ tham nhũng được cảm nhận hiện nay (tương ứng mô hình 1 và 2);
- Trải nghiệm tham nhũng (mô hình 3) và;
- Sự sẵn sàng tham gia phòng, chống tham nhũng (mô hình 4).

Để lưu giữ toàn bộ thông tin trong bảng hỏi, số điểm đã được tính toán trong mô hình 2, 3 và 4. Số điểm cho mức độ tham nhũng được cảm nhận (mô hình 2) là tổng điểm mà người được hỏi đưa ra cho mỗi ngành trong số 11 ngành được khảo sát (câu hỏi 2; xem Phụ lục 2). Theo thang điểm, mức độ cảm nhận tham nhũng dao động từ 11 (không nhận thấy tham nhũng) tới 55 (tham nhũng trầm trọng ở tất cả các ngành). Điểm trung bình là 27,3, trong đó 11 là thấp nhất và 52 là cao nhất. Điểm cho những trải nghiệm tham nhũng (mô hình 3) sẽ có giá trị 0 nếu người được phỏng vấn không đưa hối lộ cho bất kỳ một ngành nào trong 9 ngành được nêu (câu hỏi 3), và tăng lên 1 điểm mỗi lần người được phỏng vấn gặp phải tham nhũng trong một ngành nào đó, cho tới 9 điểm (ít nhất một giao dịch tham nhũng trong mỗi ngành). Điểm trung bình là 0,8, với 0 và 9 là điểm nhỏ nhất và cao nhất. Một điểm cho mỗi tiếp xúc với các dịch vụ cũng được cho theo qui trình tương tự. Cuối cùng, điểm cho cam kết PCTN là tổng điểm cho câu hỏi 4, nhấn

mạnh sự sẵn sàng tố cáo những hành vi tham nhũng và tham gia chống tham nhũng. Về lý thuyết, số điểm sẽ đạt mức thấp nhất là 4 nếu người được phỏng vấn không tán thành với 4 ý kiến được nêu, trong khi giá trị cao nhất có thể đạt được là 16 (Rất tán thành với tất cả các ý kiến được nêu). Điểm trung bình là 12,0, có tính đến toàn bộ phạm vi những giá trị có thể.

Đối với những phương pháp kinh tế lượng, những mô hình thích hợp nhất đã được sử dụng khi lựa chọn những cách thức đơn giản để tiếp cận với đa số người được hỏi. Rõ ràng là những mô hình này có thể được hoàn thiện hơn trong những bước tiếp theo. Do bản chất của bộ dữ liệu, mỗi logit được đánh số thứ tự (còn gọi là ologit) được ước lượng trong mô hình 1, và thể hiện những ước lượng bình phương nhỏ nhất (OLS) trong các mô hình 2, 3 và 4. Trong tất cả các trường hợp này, các phép hồi quy ologit cũng được tiến hành để xét đến tính thứ tự của các điểm số (không có trong báo cáo). Các kết quả khảo sát rất nhất quán với những mô hình OLS. Vì là những yếu tố mang tính giải thích (các biến số phụ thuộc), các đặc điểm kinh tế-xã hội của những người được phỏng vấn thu được qua bảng hỏi cũng được xem xét. Ngoài ra, quan hệ qua lại giữa những tiêu chí khác nhau về tham nhũng (cảm nhận, trải nghiệm và PCTN) cũng được điều tra.

Kết quả của những mô hình này được tóm tắt trong Bảng 4.

BẢNG 4

Cảm nhận và trải nghiệm về tham nhũng và các cam kết với một số mô hình PCTN

Nguồn: GCB 2010, Tổ chức Minh bạch Quốc tế; tính toán của các tác giả.

***: có ý nghĩa thống kê ở mức 1%; **: có ý nghĩa thống kê ở mức 5%; *: có ý nghĩa thống kê ở mức 10%.

Mức tham chiếu (để so sánh) là: Thấp (mức thu nhập), Thất học hoặc tiểu học (sơ cấp) (trình độ học vấn), Có việc làm (tình trạng việc làm), Không theo tôn giáo nào, Hà Nội (thành phố).

	Tiến triển của tham nhũng trong giai đoạn 2007-2010	Mức độ tham nhũng được cảm nhận	Trải nghiệm tham nhũng	Mức độ sẵn sàng tham gia PCTN
Phụ nữ	0.049	-0.180	-0.114	-0.188
Độ tuổi	-0.169*	-0.942**	-0.171***	0.098
Mức thu nhập				
Trung bình	0.004	0.164	0.157	0.661***
Trung bình	-0.102	-1.092	0.073	0.361*
Trung bình	0.149	-0.266	0.337***	0.482**
Cao	0.578	-0.040	0.263	0.920**
Trình độ học vấn				
Trung học	-0.032	0.538	0.105	0.211
Cao hơn	0.043	0.425	-0.116	0.353*
Tình trạng việc làm				
Thất nghiệp	0.377*	2.935***	-0.119	-0.126
Không/chưa đi làm	-0.018	-0.934	-0.024	0.197
Về hưu	0.048	0.621	-0.233*	0.143
Tôn giáo				
Phật giáo	0.259*	-0.608	-0.043	0.349**
Thiên chúa giáo	0.219	-1.176	-0.146	0.665***
Khác	0.738**	0.335	0.326*	-0.338
Thành phố				
Hà Phòng	-0.509**	0.153	-0.869***	-0.142
Hồ Chí Minh	-0.745***	-1.502*	-1.059***	0.279
Đà Nẵng	-1.529***	-1.425	-0.429***	1.575***
Cần Thơ	-0.639***	-3.800***	-0.247**	-0.131
Tiếp xúc	0.066*	0.822**	0.272***	0.085**
Trải nghiệm	0.094*	0.676***	-	-0.149**
Nhận thức	-	-	-	-
Hệ số chặn	-	27.428	0.785***	10.748
Số lần chứng kiến	976	718	1,000	1,000
Mô hình	logit	OLS	OLS	OLS
R2 được điều chỉnh	0.029	0.106	0.307	0.094
Điểm trung bình	3.8	27.3	0.799	12.0

Bảng 4 phản ánh những trải nghiệm về tham nhũng của người dân, mặc dù chưa thực sự toàn diện. Rõ ràng, để bị tác động bởi tham nhũng, người dân phải có tiếp xúc với những dịch vụ công, và vì một số người không tiếp cận những dịch vụ này vì họ không muốn gặp phải tham nhũng (ví dụ, vì họ không có tiền để đưa hối lộ) nên họ không chịu tác động của tham nhũng. Như vậy, những người không-sử-dụng-dịch-vụ này (mặc nhiên) không được chọn mẫu ngẫu nhiên. Đây là vấn đề thường thấy trong kinh tế lượng, được gọi là vấn đề “sai số lựa chọn mẫu.” Hai là, số điểm trung bình không giúp xác định được những ngành nào chịu tác động nhiều nhất bởi tham nhũng, trong khi đây là một thông tin cần thiết để hoạch định những chính sách phù hợp và xác định được các đối tượng trọng điểm. Để khắc phục những nhược điểm này, “mô hình chọn mẫu Heckman” (theo Hunt và Lazlo (2005) với dữ liệu khảo sát của Peru, Lavallée và các tác giả khác (2010) với dữ liệu khảo sát của châu Phi), đã được sử dụng và thích ứng hoàn hảo. Những dữ liệu đã được nhóm theo ngành (với 9000 quan sát cá nhân theo ngành: 1000 quan sát cá nhân cho mỗi ngành) và xác suất trải nghiệm tham nhũng đã được tính toán, có tính đến yếu tố xác suất tiếp xúc với từng ngành. Tham số thu được (và ý nghĩa của tham số) có thể được phân tích như là tác động “duy nhất” của những biến số giải trình, khi đã loại trừ những vi sai tiếp cận dịch vụ (xem biểu đồ 7 ở trên). Tiếp đó, cần tìm ra một biến số có tác động tới xác suất tiếp xúc với các dịch vụ chứ không phải xác suất của trải nghiệm về tham nhũng, trừ phi thông qua tiếp xúc (tạm gọi là “điều kiện để xác định”). Biến số về độ tuổi phù hợp với yêu cầu này; trong khi độ tuổi (thể hiện

ở dạng phương trình bậc 2) có tương quan rất lớn với mức độ tiếp xúc với các dịch vụ, và với mức độ xảy ra tham nhũng. Tuy nhiên, một khi mức độ tiếp xúc với các dịch vụ được tính đến trong phương trình tham nhũng, tác động của độ tuổi không còn ý nghĩa nữa, có nghĩa là một phần tương quan giữa độ tuổi và tham nhũng là không có thực, và chỉ thông qua sự tiếp cận với các dịch vụ. Nói cách khác, nếu người dân bình thường dễ có khả năng sử dụng các dịch vụ công nhiều hơn những người trẻ hơn (hoặc già hơn), thì cũng không có lý do cụ thể nào lý giải tại sao họ lại bị tác động bởi tham nhũng nhiều hơn. Các biến số phụ thuộc cũng tương tự như trong các mô hình trước và tăng lên theo ngành, nơi thường diễn ra sự tiếp xúc và trải nghiệm.

Kết quả của mô hình kinh tế lượng bổ sung được tóm tắt trong Bảng 5.

BẢNG 5

Trải nghiệm về hình thức tham nhũng với các mẫu được chọn

Nguồn: GCB 2010, Minh bạch Quốc tế; tính toán của các tác giả.

***: có ý nghĩa thống kê ở mức 1%; **: có ý nghĩa thống kê ở mức 5%; *: có ý nghĩa thống kê ở mức 10%.

Các tham chiếu (dùng để so sánh) là: Thấp (mức thu nhập), Thất học hoặc Trình độ tiểu học (Trình độ học vấn), Có việc làm (Tình trạng lao động), Không tôn giáo,

	Trải nghiệm về tham nhũng	Tiếp xúc với dịch vụ công (phương trình lựa chọn)
Phụ nữ	-0.041***	0.040
Độ tuổi	-	0.288***
Độ tuổi 2	-	-0.069***
Mức thu nhập		
Khá thấp	0.048*	-0.020
Trung bình	0.040*	-0.014
Khá cao	0.096***	0.160***
Cao	0.087**	0.299***

Trình độ học vấn		
Trung học	0.058*	0.174***
Cao hơn	-0.003	0.343***
Tình trạng việc làm		
Thất nghiệp	-0.034	-0.091*
Không/chưa đi làm	-0.003	-0.067
Về hưu	-0.115***	-0.105*
Tôn giáo		
Phật giáo	-0.017	-0.050
Thiên chúa giáo	-0.022	0.133**
Các tôn giáo khác	0.140***	-0.302***
Thành phố		
Hải Phòng	-0.261**	0.250***
Thành phố Hồ Chí Minh	-0.314***	0.286***
Đà Nẵng	-0.099***	0.135**
Cần Thơ	-0.077***	-0.125**
Ngành		
Tư pháp	-0.140***	-1.307***
Dịch vụ y tế	-0.063***	0.200***
Cảnh sát	0.138***	-0.702***
Hành chính chung	-0.134***	-0.881***
Dịch vụ tiện ích	-0.291***	0.009
Thuế	-0.123***	-10.098***
Đất đai	-0.034***	-1.533***
Hải quan	-0.050	-2.232***
Hệ số chặn	0.496***	-0.229*
Số lần chứng kiến	9,000	9,000
Mô hình	Mô hình chọn mẫu Heckman (khả năng tối đa)	
Wald test (những phương trình độc lập)	897.83***	
Mức độ tham nhũng:	Tham nhũng: 9.0 %	Tiếp xúc: 35.2 %

PHỤ LỤC 2: BẢNG HỎI ĐƯỢC SỬ DỤNG CHO PHONG VŨ BIỂU THAM NHỮNG TOÀN CẦU (GCB) VÀ PHÂN BỐ NGOẠI SUY

Câu hỏi 1.

A. Trong vòng 3 năm qua, mức độ tham nhũng ở Việt Nam thay đổi như thế nào?

1. Tăng nhiều	35.7 %
2. Tăng một chút	25.7 %
3. Vẫn giữ nguyên	18.4 %
4. Giảm một chút	14.8 %
5. Giảm nhiều	2.9 %
9. Không biết/Không trả lời	2.5%

B. Bạn đánh giá như thế nào về những hành động chống tham nhũng hiện nay của Chính phủ?

1. Chính phủ chống tham nhũng rất hiệu quả	6.1 %
2. Chính phủ chống tham nhũng khá hiệu quả	30.2 %
3. Không thể coi là hiệu quả hay không hiệu quả (Bình thường)	28.5 %
4. Chính phủ chống tham nhũng tương đối không hiệu quả	24,7%
5. Chính phủ chống tham nhũng rất không hiệu quả	8,4%
9. Không biết/không trả lời	1,2%

C. Bạn tin tưởng ai nhất trong PCTN ở Việt Nam? (chọn một câu trả lời)

1. Lãnh đạo Chính phủ	46%
2. Doanh nghiệp/Khu vực kinh tế tư nhân	3,3%
3. Các tổ chức phi chính phủ (NGOs)	5,1%
4. Các cơ quan truyền thông	26,1%
5. Các tổ chức quốc tế (ví dụ Ngân hàng thế giới, Quỹ Tiền tệ quốc tế, v.v...)	4,9%
6. Không ai cả	12,3%
9. Không biết/không trả lời	2,4%

Câu hỏi 2. Câu hỏi về trải nghiệm có liên quan đến tham nhũng

Bạn nhận thấy những nhóm ngành sau đây ở Việt Nam bị ảnh hưởng bởi tham nhũng ở mức độ nào? Xin trả lời theo thang điểm từ 1 đến 5 (1 là không hề có tham nhũng, 5 là cực kỳ tham nhũng). Tất nhiên bạn cũng có thể sử dụng những điểm ở trong thang giữa hai mức này

Bảng	Ngành	Không hề tham nhũng				Cực kỳ tham nhũng	Không biết/ Không trả lời
16	a. Đảng chính trị*	38.8 %	25.7 %	15.3 %	5.7 %	5.4 %	9.2 %
17	b. Quốc hội/Lập pháp	44.7 %	23.3 %	11.8 %	5.0 %	3.3 %	11.9 %
18	c. Cảnh sát	4.0 %	12.2 %	20.2 %	24.8 %	37.5 %	1.4 %
19	d. Doanh nghiệp/khu vực tư nhân	25.4 %	20.6 %	20.9 %	18.1 %	9.7 %	5.2 %
20	e. Các cơ quan truyền thông	30.5 %	33.1 %	19.7 %	8.5 %	3.5 %	4.7 %
21	f. Cán bộ nhà nước/Công chức (khu vực hành chính công)	9.7 %	26.8 %	26.3 %	21.8 %	13.3 %	2.1 %
22	g. Tư pháp	18.9 %	22.1 %	24.7 %	15.9 %	11.6 %	6.8 %
23	h. NGOs (các tổ chức phi chính phủ)	45.8 %	21.5 %	11.4 %	4.0 %	1.2 %	16.1 %
24	i. Các tổ chức tôn giáo	62.2 %	17.5 %	6.7 %	2.4 %	1.2 %	10.0 %
25	j. Quân đội	30.6 %	28.9 %	18.6 %	11.1 %	5.9 %	5.1 %
26	k. Hệ thống giáo dục	9.7 %	21.7 %	22.6 %	22.5 %	22.1 %	1.5 %

*Bảng hỏi tiếng Việt dùng từ "Đảng" với nghĩa là Đảng Cộng sản Việt Nam

Câu hỏi 3.

A. Trong vòng 12 tháng qua, bạn hay bất kỳ ai trong gia đình bạn có tiếp xúc với cơ quan/tổ chức nào dưới đây?

B. Trong vòng 12 tháng qua, bạn hay bất kỳ ai trong gia đình bạn đã đưa hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào cho bất kỳ cơ quan/tổ chức nào dưới đây?

Ngành	Cột	CÂU HỎI A: CÓ TIẾP XÚC				CÂU HỎI B: CÓ ĐƯA HỐI LỘ				
		Có	Không	Không biết	Không trả lời	Cột	Có	Không	Không biết	Không trả lời
1. Hệ thống giáo dục	27	61.2 %	38.7 %	0.1 %	-	36	35.6 %	63.9 %	0.2 %	0.3 %
2. Tư pháp	28	17.3 %	82.5 %	0.1 %	0.1 %	37	16.4 %	81.8 %	0.9 %	0.9 %
3. Dịch vụ y tế	29	69.0 %	31.0 %	-	-	38	29.2 %	69.9 %	0.3 %	0.6 %
4. Cảnh sát	30	37.5 %	62.4 %	0.1 %	-	39	49.0 %	50.4 %	-	0.8 %
5. Dịch vụ đăng ký và cấp phép (đăng ký khai sinh, kết hôn, cấp bằng, giấy phép, chứng nhận quyền sở hữu và chuyển quyền sở hữu đất đai và tài sản)	31	29.6 %	70.4 %	-	-	40	22.7 %	77.3 %	-	-
6. Dịch vụ tiện ích (điện thoại, điện, nước, v...)	32	63.7 %	36.2 %	0.1 %	-	41	4.2 %	95.4 %	0.4 %	-
7. Thuế	33	23.4 %	76.4 %	0.2 %	-	42	19.7 %	79.3 %	0.3 %	0.7 %
8. Dịch vụ về đất đai (mua, bán, thừa kế, thuê)	34	12.0 %	87.9 %	0.1 %	-	43	24.8 %	73.3 %	1.3 %	0.6 %
9. Hải quan	35	2.9 %	96.9 %	0.2 %	-	44	29.1 %	65.5 %	5.5 %	-

Câu hỏi 4. Nếu bạn phải đưa hối lộ trong vòng 12 tháng qua, khoản hối lộ gần đây nhất được đưa là để:

1. Để giải quyết công việc nhanh hơn	33,1%
2. Để tránh rắc rối với chính quyền	3,9%
3. Để nhận được dịch vụ được hưởng theo quy định	2,6%
4. Không đưa hối lộ trong vòng 12 tháng qua	59,1%
5. Không nhớ	0,5%
9. Không biết/không trả lời	0,8%

Câu hỏi 5. Tôi sẽ đọc lên một vài ý kiến. Với mỗi ý kiến, bạn có thể nói với tôi rằng bạn rất tán thành, tán thành, không tán thành hoặc rất không tán thành?

Cột		Rất phản đối	Phản đối	Tán thành	Rất tán thành
46	a. Người dân bình thường cũng có thể đóng góp vào công cuộc chống tham nhũng	6.1 %	27.0 %	46.5 %	20.3 %
47	b. Tôi sẽ ủng hộ đồng nghiệp hoặc bạn bè tôi nếu họ chống tham nhũng	0.5 %	4.9 %	57.3 %	37.4 %
48	c. Tôi sẵn sàng tham gia chống tham nhũng	0.9 %	19.5 %	51.6 %	28.0 %
49	d. Tôi sẽ tố cáo vụ việc tham nhũng	2.3 %	32.1 %	45.5 %	20.1 %

PHỤ LỤC 3: THÔNG TIN KHẢO SÁT CHÍNH CHO CÁC NƯỚC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ	CÔNG TY/TỔ CHỨC	SỐ LƯỢNG PHÒNG VẤN	PHƯƠNG PHÁP LỰẬN	PHẠM VI	SỐ DÂN ĐƯỢC ĐẠI DIỆN THEO MẪU	THỜI GIAN KHẢO SÁT (2010)
Áp-ga-ni-xtan	BBSS	1160	PV trực tiếp	Toàn quốc	12,100,682	4.8 - 25.8
Úc	Colmar Brunton	1020	PV trực tuyến	Toàn quốc	17,020,122	28.6 - 11.7
Băng-la-đét	TI Bangladesh	1049	PV trực tiếp	Toàn quốc	3,702,969	9.6 - 20.7
Bê-la-ru-xia	Romir Holding	1000	PV trực tiếp	Toàn quốc	7,480,000	21.6 - 7.7
Cam-pu-chia	Indochina Research	1002	PV trực tiếp	Ở các đô thị	8,237,200	21.7 - 26.7
Trung Quốc	CRC	1000	PV trực tiếp	Ở các đô thị	18,451,100	9.6 - 10.7
Đảo Fiji	Tebbutt Research	1002	PVqua điện thoại	Toàn quốc	523,624	21.6 - 14.7
Hồng Kông	CRC	1000	PV trực tuyến	Toàn quốc	7,018,637	9.6 - 10.7
Ấn Độ	MaRS	1000	PVqua điện thoại	Ở các đô thị	65,000,000	1.7 - 6.7
In-đô-nê-xia	CRC	1000	PV trực tuyến	Toàn quốc	237,512,355	9.6 - 10.7
Nhật Bản	NRC	1200	PV trực tiếp	Toàn quốc	103,363,009	30.6 - 12.7
Hàn Quốc	Gallup Korea	1500	PV trực tiếp	Toàn quốc	40,853,273	11.6 - 28.6
Ma-lai-xia	TNS Malaysia	1008	PV trực tiếp	Toàn quốc	18,031,020	28.6 - 26.7
Niu Di-lân	Colmar Brunton	1291	PV trực tuyến	Toàn quốc	3,381,302	3.6 - 11.7
Pa-kít-xtan	Pakistan Gallup	2739	PV trực tiếp	Toàn quốc	81,000,000	20.6 - 10.7
Pa-pua Niu Ghi-nê	Tebbutt Research	996	PVqua điện thoại	Toàn quốc	3,741,391	21.6 - 14.7
Phi-líp-pin:	M&S PHILIPPINES	1000	PV trực tiếp	Toàn quốc	65,371,502	21.6 - 7.7
Xing-ga-po	CRC	1000	PV trực tuyến	Toàn quốc	4,608,168	9.6 - 10.7
Quốc đảo Solomon	Tebbutt Research	500	PVqua điện thoại	Toàn quốc	372,908	28.6 - 14.7
Đài Loan (Trung Quốc)	CRC	1000	PV trực tuyến	Toàn quốc	22,920,947	9.6 - 10.7
Thái Lan	CRC	1000	PV trực tuyến	Toàn quốc	66,187,267	14.6 - 14.7
Vanuatu	Tebbutt Research	495	PVqua điện thoại	Toàn quốc	136,368	21.6 - 14.7
Việt Nam	Indichina Research	1000	PV trực tiếp	Ở các đô thị	59,023,831	21.7 - 26.7

*Để có những thông tin khảo sát chính của tất cả các nước trong Phong vũ biểu Tham nhũng Toàn cầu 2010, xin xem Phụ lục A của Tổ chức Minh bạch Quốc tế, Phong vũ biểu Tham nhũng Toàn cầu 2010 (Transparency International, Global Corruption Barometer 2010).

PHỤ LỤC 4: THÔNG TIN NHÂN KHẨU HỌC CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM GIA TRẢ LỜI

D2. GIỚI TÍNH:

Nam	48.3 %
Nữ	51.7 %

D3. NHÓM ĐỘ TUỔI:

Dưới 30	26.3 %
30 - 50	51.5 %
51 - 65	19.4 %
66 & +	2.8 %

D5. TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN:

Thất học/học vấn sơ cấp (tiểu học)	27,8%
Trung học (ví dụ: trung học phổ thông)	44,9%
Học vấn cao hơn (ví dụ: đại học)	26,7%
Không trả lời	0,6%

D7. TÔN GIÁO:

Thiên chúa giáo La Mã	8,6%
Tin lành	0,6%
Cơ đốc giáo khác	0,2%
Đạo Hindu	0,1%
Đạo Hồi	0,1%
Đạo Phật	29,3%
Các tôn giáo khác	2,8%
Không theo tôn giáo nào	57,8%
Không trả lời	0,5%

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đại học Boston, Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Phát triển Cộng đồng (RTCCD), Tổ chức Hướng tới Minh Bạch và Tổ chức Minh bạch Quốc tế (2011), *Towards a Transparency and Quality Healthcare System: A qualitative study on the causes, perceptions and impact of informal payments in health services in Vietnam* (Về một nền Y tế Minh bạch và Chất lượng: Nghiên cứu định tính về căn nguyên, vai trò và ảnh hưởng của các khoản chi phí không chính thức trong dịch vụ y tế ở Việt Nam).

Trung tâm nghiên cứu phát triển hỗ trợ cộng đồng (CECODES) & ĐSQ Phần Lan (2008), *PCTN – đánh giá hiện trạng và xây dựng năng lực PCTN cho các tổ chức xã hội dân sự và cộng đồng nông thôn* Hà Nội, tháng 11/2008.

Cling, J.-P., Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Hữu Chí, Phan Thị Ngọc Trâm, Razafindrakoto, M. & Roubaud, F. (2010), *The Informal Sector in Vietnam: A focus on Hanoi and Ho Chi Minh City* (Khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam: điều tra ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh), Nhà xuất bản Thế Giới, Hà Nội.

Đặng Giang, Nguyễn Thị Kiều Viễn, Nguyễn Thúy Hằng, Razafindrakoto, M., Roubaud, F. và Salomon, M. (2011), *Youth Integrity in Vietnam* (Khảo sát liêm chính trong thanh niên Việt Nam), Tổ chức Minh bạch Quốc tế, Hà Nội.

Clausen, B., Kraay, A. & Zsolt, N. (2009), *Corruption and confidence in public institutions: evidence from a global survey* (Tham nhũng và sự tin nhiệm đối với các thiết chế công: bằng chứng từ một cuộc khảo sát toàn cầu), Tài liệu nghiên cứu chính sách số 5157, Ngân hàng Thế giới, Washington D.C.

Dollar, D., Fisman, R. & Gatti, R. 2001. "Are women really the 'fairer' sex? Corruption and women in government." (Phụ nữ thực sự "công bằng" hơn? Tham nhũng và phụ nữ trong Chính phủ) Journal of Economic Behaviour & Organization 46(4), tr. 423-429.

Gainsborough M., Đặng Ngọc Đình & Trần Thanh Phương (2009) *Corruption, Public Administration Reform and Development: Challenges and Opportunities* (Tham nhũng, cải cách và phát triển hành chính công: Thách thức và cơ hội), tài liệu nghiên cứu của UNDP; UNDP, Hà Nội.

Gatti, R., Patemostro, S. và Rigolini, J. (2003), *Individual attitudes toward corruption: do social effects matter?* (Thái độ của cá nhân đối với tham nhũng: những hiệu ứng xã hội có quan trọng không?) Tài liệu nghiên cứu chính sách, số 3122, Ngân hàng Thế giới.

Gallup International (2010), *Global Corruption Barometer: Methodological and Fieldwork Report*, Phong vũ biểu Tham nhũng toàn cầu: Báo cáo phương pháp luận và thực địa, tháng 10.

Hunt, J. và Laszlo, S. (2005), *Bribery: Who Pays, Who Refuses, What Are the Payoffs?* (Hỏi lộ: Ai đưa, ai không đưa, hậu quả thế nào?) Tài liệu nghiên cứu của NBER số 11635, Cơ quan nghiên cứu kinh tế Quốc gia (National Bureau of Economic Research), Inc. Lavallée E., Razafindrakoto M. và Roubaud, F. (2010), *Ce qui engendre la corruption : une analyse sur micro-données africaines*, Revue d'Economie du Développement, 3/2010, September: 5-47.

Razafindrakoto M. và Roubaud, F. (2010), *Are international databases on corruption reliable? A comparison of expert opinions surveys and household surveys in sub-saharan Africa* (Các cơ sở dữ liệu về tham nhũng có đáng tin cậy? So sánh giữa khảo sát ý kiến của các chuyên gia và khảo sát ý kiến của người dân vùng hạ Sahara, Châu Phi), World development, tháng 8, 38(8): 1057-1069. Swamy, A., Knack, S. & Azfar, O. (2001), "Giới và Tham nhũng", Tạp chí Kinh tế phát triển, 64(1): tr. 25-55.

Tổ chức Minh bạch Quốc tế (2010), Phong vũ biểu Tham nhũng Toàn cầu 2010, Berlin, Tháng 12.

Tổ chức Hướng tới Minh bạch và Tổ chức Minh bạch Quốc tế (2011), *Forms and Effects of Corruption on the Education Sector in Vietnam* (Hình thức và hậu quả của tham nhũng trong giáo dục ở Việt Nam), Hà Nội.

USAID/VNCCI (2011), *The Vietnam Provincial Competitiveness Index 2010: Improving Economic Governance for Domestic and Foreign Investors* (Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2010: tăng cường quản lý kinh tế đối với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài), Hà Nội, USAID/VNCCI Policy Paper #15, tháng 3.

World Bank (2010), *Vietnam Development Report 2010: Modern Institutions* (Báo cáo phát triển Việt Nam 2010: Các thiết chế hiện đại), The World Bank, Hanoi. World Bank, DANIDA & Sweden (2010).

Tổ chức Minh bạch Quốc tế (TI)
Địa chỉ: Alt-Moabit 96
10559 Berlin
Đức

Điện thoại: +49 30 34 38 200
Fax: +49 30 34 70 3912

ti@transparency.org
www.transparency.org

Tổ chức Hướng tới Minh bạch
Cơ quan đầu mối Quốc gia của TI tại
Việt Nam
51A Nguyễn Khắc Hiếu - Ba Đình
Hà Nội, Việt Nam

ĐT: +84 (04) 3715 3532
Fax: +84 (04) 3715 3443

info@towardstransparency.vn
www.towardstransparency.vn